

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP THCS
NĂM HỌC: 2019-2020

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
1	9/1	Bùi Nhã Thanh Uyên	15/03/2005	Nữ	Kinh	8.7	9	9.8	Giỏi
2	9/1	Đặng Ngọc Minh	27/08/2005	Nam	Kinh	8	8.5	8.6	Giỏi
3	9/1	Đặng Nguyễn Phước Lộc	09/12/2005	Nam	Kinh	8.3	8.6	9	Giỏi
4	9/1	Đậu Phúc Thành Gia	27/10/2005	Nam	Kinh	7.3	8.7	8.2	Giỏi
5	9/1	Hồ Đức Minh Hải	28/06/2005	Nam	Kinh	8	8.6	9.5	Giỏi
6	9/1	Hoàng Khánh Linh	12/09/2005	Nữ	Kinh	7.2	8	8	Giỏi
7	9/1	Hoàng Yến Dung	10/11/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.8	7.8	Giỏi
8	9/1	Huỳnh Anh Thư	13/06/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.3	6.5	Giỏi
9	9/1	Lê Dũng Hoàng Phát	24/04/2005	Nam	Kinh	5.6	7.7	7.2	Khá
10	9/1	Lê Hoàng Thao Ly	16/10/2005	Nữ	Kinh	7.8	9.1	8.3	Giỏi
11	9/1	Lê Ngọc Bảo Trân	25/06/2005	Nữ	Kinh	8.4	8.8	9.3	Giỏi
12	9/1	Lê Ngọc Thái Bình	21/09/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.5	9.2	Giỏi
13	9/1	Lê Trung Nguyên	17/03/2005	Nam	Kinh	7.2	8	8	Giỏi
14	9/1	Lương Kim Nhung	01/01/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6.7	Khá
15	9/1	Nguyễn Hoàng Duyên Anh	10/03/2005	Nữ	Kinh	8	8.1	8.3	Giỏi
16	9/1	Nguyễn Hữu Quốc Bảo	12/06/2005	Nam	Kinh	8.1	8.7	8.5	Giỏi
17	9/1	Nguyễn Khánh Mai Anh	21/08/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.2	9.1	Giỏi
18	9/1	Nguyễn Thanh Phúc	15/01/2005	Nam	Kinh	7.2	8.6	8.2	Giỏi
19	9/1	Nguyễn Thúy Phương Uyên	20/04/2005	Nữ	Kinh	8.4	8.9	8.8	Giỏi
20	9/1	Phạm Chí Khải	22/07/2005	Nam	Kinh	5.7	7.6	6.4	Khá
21	9/1	Phạm Ngọc Thanh	21/07/2005	Nam	Kinh	8.3	8.9	8.2	Giỏi
22	9/1	Phạm Thảo Vân	23/03/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.4	7.9	Giỏi
23	9/1	Phan Anh Tuấn	08/03/2005	Nam	Kinh	7.3	8.6	8.7	Giỏi
24	9/1	Tạ Nguyễn Quỳnh Như	02/12/2005	Nữ	Kinh	8	8.5	7.8	Giỏi
25	9/1	Trần Gia Bảo	14/09/2005	Nữ	Kinh	7.6	9.1	9.1	Giỏi
26	9/1	Trần Gia Hân	13/12/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.5	8.4	Giỏi
27	9/1	Trần Ngọc Nam Phương	02/02/2005	Nữ	Kinh	8.5	9.1	9.3	Giỏi
28	9/1	Trần Quốc Bảo	26/06/2005	Nam	Kinh	7	8.9	8.3	Giỏi
29	9/1	Trịnh Phát Đạt	29/01/2005	Nam	Kinh	5.7	6.7	6.1	Khá
30	9/1	Trương Gia Bảo	14/06/2005	Nam	Kinh	6.5	8	6.7	Khá
31	9/1	Võ Xuân Phúc	27/10/2005	Nam	Kinh	6.1	9.1	7.2	Khá
32	9/10	Bùi Nguyễn Phương Anh	09/03/2005	Nữ	Kinh	7.9	9.1	9.1	Giỏi
33	9/10	Bùi Nguyễn Phương Nhi	30/09/2005	Nữ	Kinh	7.5	7.8	7.5	Khá
34	9/10	Bùi Quốc Huy	17/07/2005	Nam	Kinh	7.1	8.2	7	Giỏi
35	9/10	Châu Nguyễn Tường Vy	13/05/2005	Nữ	Kinh	8.2	9	8.8	Giỏi
36	9/10	Đặng Nhật Minh	04/11/2005	Nam	Kinh	6.4	8.2	7.4	Khá
37	9/10	Đặng Phúc Lộc	12/05/2005	Nam	Kinh	5.5	5.6	5.3	Trung bình
38	9/10	Đỗ Nguyễn Minh Thư	25/09/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.9	8.2	Giỏi
39	9/10	Dương Thanh Mai	22/02/2005	Nữ	Kinh	8.7	9.2	9	Giỏi
40	9/10	Hoàng Đặng Phương Nhi	20/03/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.4	5.9	Khá
41	9/10	Hoàng Đức Huy	15/08/2005	Nam	Kinh	6.6	8.2	6.3	Khá
42	9/10	Hoàng Khôi Nguyên	07/11/2005	Nam	Kinh	6.5	7.6	5.9	Khá
43	9/10	Huỳnh Gia Hân	21/07/2005	Nữ	Kinh	8.5	9.3	8.4	Giỏi
44	9/10	Huỳnh Lê Thiên An	19/08/2005	Nữ	Kinh	7.2	9	7.7	Giỏi
45	9/10	Huỳnh Mỹ	10/11/2005	Nam	Kinh	7.8	8.9	8.3	Giỏi
46	9/10	Huỳnh Phương Anh	25/10/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.7	9	Giỏi
47	9/10	Lâm Trung Hiếu	11/05/2005	Nam	Kinh	7.2	7.6	6.4	Khá
48	9/10	Lê Minh Tịnh	09/02/2005	Nam	Kinh	6.8	8.3	6.2	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
49	9/10	Lê Nguyễn Ái Vi	03/08/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.7	5.6	Khá
50	9/10	Lê Thị Thanh Thảo	03/10/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.4	8.1	Giỏi
51	9/10	Lưu Trương Bảo Trân	04/01/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.8	9	Giỏi
52	9/10	Ngô Nguyễn Bảo Trân	09/02/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.9	7	Giỏi
53	9/10	Ngô Phạm Linh Thơ	23/09/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.6	7.3	Giỏi
54	9/10	Ngô Phan Đăng Khoa	06/03/2005	Nam	Kinh	6.6	7.5	6.4	Khá
55	9/10	Nguyễn Hoàng Mi Pha	03/02/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.3	8.6	Giỏi
56	9/10	Nguyễn Hoàng Phi Yến	20/05/2005	Nữ	Kinh	8.2	9.3	8.2	Giỏi
57	9/10	Nguyễn Lê Minh Nhật	15/02/2005	Nam	Kinh	7.3	8.4	7.5	Giỏi
58	9/10	Nguyễn Lê Trúc Thy	26/02/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.6	8.4	Giỏi
59	9/10	Nguyễn Lưu	03/11/2005	Nam	Kinh	7	8.7	7.4	Giỏi
60	9/10	Nguyễn Minh Hoàng	11/04/2005	Nam	Kinh	7.1	8.3	6.4	Khá
61	9/10	Nguyễn Quách Lam Giang	03/05/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.8	9.1	Giỏi
62	9/10	Nguyễn Quốc Bảo	14/05/2005	Nam	Kinh	5.4	7.4	4.5	Trung bình
63	9/10	Nguyễn Quốc Huy	01/07/2005	Nam	Kinh	6.7	8.4	6	Khá
64	9/10	Nguyễn Thị Trúc Linh	10/09/2005	Nữ	Kinh	5.7	7.4	5.1	Trung bình
65	9/10	Nguyễn Tú Kiệt	02/01/2005	Nam	Kinh	7.9	8.6	9.1	Giỏi
66	9/10	Nguyễn Vũ Nguyên Khang	04/10/2005	Nam	Kinh	6.1	8	5.4	Khá
67	9/10	Nguyễn Xuân Dũng	28/04/2005	Nam	Kinh	7.7	9.1	8.9	Giỏi
68	9/10	Phạm Đăng Gia Thuận	13/05/2005	Nam	Kinh	6.5	8.4	6.3	Khá
69	9/10	Phạm Nguyễn Duy Thiện	18/09/2005	Nam	Kinh	5.9	6.8	6.3	Khá
70	9/10	Phạm Phương Khanh	28/02/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.6	8.3	Giỏi
71	9/10	Phạm Quỳnh Anh	15/05/2005	Nữ	Kinh	7	8.3	8.1	Giỏi
72	9/10	Phạm Văn Đức	01/01/2005	Nam	Kinh	8.7	9.7	8.8	Giỏi
73	9/10	Phạm Văn Phúc	01/01/2005	Nam	Kinh	8.5	9.6	9.2	Giỏi
74	9/10	Phan Kiều Duyên	17/10/2005	Nữ	Kinh	5.4	7.3	4.9	Trung bình
75	9/10	Tô Tuấn Kiệt	16/05/2005	Nam	Kinh	6.2	7.1	5.8	Khá
76	9/10	Trần Lê Hồng Ngọc	02/11/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.8	6.5	Giỏi
77	9/10	Trần Mạnh Đức	25/03/2005	Nam	Kinh	6.2	7.3	5.4	Khá
78	9/10	Trần Triều Tiên	26/05/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.5	9.2	Giỏi
79	9/10	Trương Phạm Quỳnh Như	01/04/2005	Nữ	Kinh	7.8	9.2	8.1	Giỏi
80	9/10	Trương Trịnh Thái Bảo	15/08/2005	Nam	Kinh	7	8.8	7.9	Giỏi
81	9/11	Bùi Ngọc Phương Uyên	19/12/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.5	6	Khá
82	9/11	Bùi Thanh Tùng	05/06/2005	Nam	Kinh	6.5	8.1	5.6	Khá
83	9/11	Bùi Vũ Trúc Linh	05/12/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.5	6.6	Khá
84	9/11	Chu Hải Nam	13/01/2005	Nam	Kinh	8.1	8.7	9	Giỏi
85	9/11	Đặng Vũ Quang Duy	05/01/2005	Nam	Kinh	7.4	9.3	8.6	Giỏi
86	9/11	Đào Ngọc Bảo Nhi	04/11/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.7	5.6	Khá
87	9/11	Đình Hồng Hoài Ân	30/03/2005	Nữ	Kinh	7.2	8.1	7.8	Giỏi
88	9/11	Đoàn Lê Phương Vy	13/10/2005	Nữ	Kinh	6.1	7.6	5.2	Khá
89	9/11	Huỳnh Ngọc Anh Khoa	21/01/2004	Nam	Kinh	5.4	6.4	5.3	Trung bình
90	9/11	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	10/11/2005	Nữ	Kinh	6.6	8	6.3	Khá
91	9/11	Huỳnh Tú Linh	10/03/2005	Nữ	Kinh	8.7	9.2	9.8	Giỏi
92	9/11	Lê Ngọc Quang	21/03/2005	Nam	Kinh	7.7	8.4	7.5	Giỏi
93	9/11	Lê Thị Hằng Nga	27/12/2005	Nữ	Kinh	7.6	9.1	9	Giỏi
94	9/11	Lục Đình Duy	11/01/2005	Nam	Hoa	8	9	8.9	Giỏi
95	9/11	Lưu Trần Tú Anh	22/10/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.5	7.6	Khá
96	9/11	Mai Bùi Trâm Anh	30/07/2005	Nữ	Kinh	7.4	9.4	8.6	Giỏi
97	9/11	Ngô Đình Kim Ngân	10/10/2004	Nữ	Kinh	5.4	6.9	4.9	Trung bình
98	9/11	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	08/03/2005	Nam	Kinh	8.1	9	9.1	Giỏi
99	9/11	Nguyễn Hoàng Vĩnh Khang	15/03/2005	Nam	Kinh	8.3	9.5	9	Giỏi
100	9/11	Nguyễn Hoàng Yến Vy	24/01/2005	Nữ	Kinh	8.1	9.1	9.1	Giỏi
101	9/11	Nguyễn Hồng Ân	15/10/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.8	8.3	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
102	9/11	Nguyễn Huy Phú	04/09/2005	Nam	Kinh	7.8	8.7	7.8	Giỏi
103	9/11	Nguyễn Lâm Thu Giang	09/11/2005	Nữ	Kinh	8.9	9.3	8.4	Giỏi
104	9/11	Nguyễn Minh Đăng	28/12/2005	Nam	Kinh	5.9	7.1	4.8	Trung bình
105	9/11	Nguyễn Ngọc Kim Anh	09/08/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.7	6.9	Khá
106	9/11	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	30/05/2005	Nữ	Kinh	6.1	8.5	4.8	Trung bình
107	9/11	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	06/09/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.6	8.1	Giỏi
108	9/11	Nguyễn Ngọc Trang Thanh	16/08/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.9	8.4	Giỏi
109	9/11	Nguyễn Phạm Yến Nhi	17/05/2005	Nữ	Kinh	8.2	9.1	8.2	Giỏi
110	9/11	Nguyễn Phan Gia Tú	19/05/2005	Nam	Kinh	6.4	6.6	7.7	Khá
111	9/11	Nguyễn Quỳnh Thư	09/11/2005	Nữ	Kinh	6.1	7.4	7.1	Khá
112	9/11	Nguyễn Thành Được	13/10/2003	Nam	Kinh	6	6.1	4.6	Trung bình
113	9/11	Nguyễn Thành Nguyên	14/05/2005	Nam	Kinh	6.1	8.1	5.3	Khá
114	9/11	Nguyễn Toàn Phát	28/12/2004	Nam	Kinh	4.2	5	5.1	Trung bình
115	9/11	Nguyễn Trần Gia Hân	11/05/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.7	6.9	Giỏi
116	9/11	Nguyễn Vũ Hoài Phong	07/07/2004	Nam	Kinh	7.3	7.4	6.6	Khá
117	9/11	Phạm Thị Thanh Vân	12/05/2005	Nữ	Kinh	8.7	9	8.9	Giỏi
118	9/11	Phan Huyền Thơ	12/12/2005	Nữ	Kinh	7.3	9.1	8.1	Giỏi
119	9/11	Phan Nam Lộc	22/01/2004	Nam	Kinh	5	6.3	4.5	Trung bình
120	9/11	Tổng Thị Phương Thảo	01/09/2005	Nữ	Kinh	5.2	4.7	3.6	Trung bình
121	9/11	Trần Kim Hùng	14/05/2005	Nam	Kinh	6.4	8.1	6.4	Khá
122	9/11	Trần Kim Ngân	22/12/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.9	8.3	Giỏi
123	9/11	Trần Kỳ Vĩ	31/05/2005	Nam	Kinh	5.8	8.1	7.5	Khá
124	9/11	Trần Ngọc Bảo Vy	05/11/2005	Nữ	Kinh	8.5	8.9	8.2	Giỏi
125	9/11	Trần Nguyễn Nam Phương	09/08/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.8	7.9	Giỏi
126	9/11	Trần Trung Nhân	18/02/2005	Nam	Kinh	8.2	9.8	9	Giỏi
127	9/11	Vũ Hoàng Phương Thảo	29/09/2005	Nữ	Kinh	7.7	9.3	9.1	Giỏi
128	9/11	Vũ Minh Quân	02/06/2005	Nam	Kinh	7.2	8.5	6.9	Giỏi
129	9/11	Vũ Phạm Tuấn Kiệt	10/03/2005	Nam	Kinh	6.5	7.5	5.9	Khá
130	9/11	Vũ Thị Thu Thảo	08/06/2005	Nữ	Kinh	7.1	8	6.9	Giỏi
131	9/11	Vũ Thiên Long	16/07/2005	Nam	Kinh	5.9	8.1	5.8	Khá
132	9/12	Bành Linh Yến Vy	24/02/2005	Nữ	Kinh	5.8	8.6	6.9	Khá
133	9/12	Bùi Nguyễn Bảo Châu	30/09/2005	Nữ	Kinh	6.2	6.6	5.3	Khá
134	9/12	Bùi Phạm Kim Chi	22/12/2005	Nữ	Kinh	6	8.3	6.5	Khá
135	9/12	Cao Ngọc Lân	02/01/2005	Nam	Kinh	6.8	8	7.9	Khá
136	9/12	Đặng Quốc Vinh	12/08/2005	Nam	Hoa	5.2	6.5	5.8	Trung bình
137	9/12	Đỗ Hoàng Thiên Ân	18/08/2005	Nam	Kinh	6.1	7.6	5.1	Khá
138	9/12	Đỗ Hoàng Yến Phương	20/10/2005	Nữ	Kinh	7.6	9.3	7.6	Giỏi
139	9/12	Đỗ Minh Thy	14/10/2005	Nữ	Kinh	6.9	9.1	8.5	Giỏi
140	9/12	Đoàn Thị Huyền	29/10/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.4	7.1	Giỏi
141	9/12	Hồ Hữu Thịnh	28/11/2005	Nam	Kinh	6.9	8.1	8.5	Khá
142	9/12	Hồ Nguyễn Đăng Khôi	05/11/2005	Nam	Kinh	8	9.1	8.8	Giỏi
143	9/12	Hoàng Đức Quân	18/01/2005	Nam	Kinh	6.1	7.7	5.1	Khá
144	9/12	Hoàng Kim Mỹ Thạch	25/09/2005	Nữ	Kinh	8.4	9.3	9	Giỏi
145	9/12	Hoàng Yến Nhi	09/06/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.6	9.2	Giỏi
146	9/12	Huỳnh Kiến Hào	30/03/2005	Nam	Kinh	5.6	7.6	6.9	Khá
147	9/12	Huỳnh Ngọc Anh Thư	17/08/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.1	6.4	Khá
148	9/12	Kiều Thùy Linh	30/04/2005	Nữ	Kinh	5.8	8.2	6.6	Khá
149	9/12	Lê Thị Kim Ngân	15/01/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.8	8.1	Giỏi
150	9/12	Lê Thụy Hồng Minh	15/03/2005	Nữ	Kinh	6.6	8.2	6.9	Giỏi
151	9/12	Lý Thanh Thảo	20/02/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.3	6.6	Giỏi
152	9/12	Mai Nguyễn Bảo Trân	25/06/2005	Nữ	Kinh	7.4	9.4	9	Giỏi
153	9/12	Nguyễn Anh Thư	02/11/2005	Nữ	Kinh	5.5	7.8	5.5	Khá
154	9/12	Nguyễn Bá Quỳnh Anh	30/04/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.6	7.1	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
155	9/12	Nguyễn Bá Tân	29/08/2005	Nam	Kinh	8	9.2	8.1	Giỏi
156	9/12	Nguyễn Đỗ Quốc Thịnh	17/11/2005	Nam	Kinh	7.5	8.9	7.6	Giỏi
157	9/12	Nguyễn Đoàn Trọng Nguyên	17/05/2005	Nam	Kinh	6.9	8.6	8.1	Giỏi
158	9/12	Nguyễn Hoàng Huy	13/06/2004	Nam	Kinh	5.6	7.4	6.4	Khá
159	9/12	Nguyễn Hoàng Quân	30/06/2005	Nam	Kinh	6.9	8.3	6.6	Khá
160	9/12	Nguyễn Hồng Duyên	29/04/2005	Nữ	Kinh	6	8.7	5.2	Khá
161	9/12	Nguyễn Minh Dung	09/06/2005	Nữ	Kinh	6.6	6.6	7.5	Khá
162	9/12	Nguyễn Minh Thắng	26/07/2005	Nam	Kinh	5.9	8.4	6.8	Khá
163	9/12	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	26/05/2005	Nữ	Kinh	7.3	8	6.3	Khá
164	9/12	Nguyễn Ngọc Hữu Duyên	14/02/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.4	6.7	Khá
165	9/12	Nguyễn Ngọc Như Ý	12/07/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.9	5.5	Trung bình
166	9/12	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	04/08/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.5	6.4	Khá
167	9/12	Nguyễn Phạm Ka Thy	29/07/2005	Nữ	Kinh	6.4	8	5.4	Khá
168	9/12	Nguyễn Thế Đạt	06/02/2005	Nam	Kinh	7.6	8.6	6.7	Giỏi
169	9/12	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	28/08/2005	Nữ	Kinh	5.3	8.6	6.6	Khá
170	9/12	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/01/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.1	8.4	Giỏi
171	9/12	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	04/01/2005	Nữ	Kinh	5.2	6.1	4.9	Trung bình
172	9/12	Nguyễn Tổng Ngọc Linh	05/06/2005	Nữ	Kinh	7.4	9.2	8.7	Giỏi
173	9/12	Nguyễn Trần Công Toàn	06/05/2005	Nam	Kinh	5.4	8.5	5.3	Khá
174	9/12	Nguyễn Trần Kim Bảo	01/01/2005	Nam	Kinh	6.3	8.2	5	Khá
175	9/12	Nguyễn Trung Tín	20/02/2005	Nam	Kinh	5	6.8	3.7	Trung bình
176	9/12	Nguyễn Vũ Mai Thy	18/09/2005	Nữ	Kinh	7	8.4	6.6	Khá
177	9/12	Phạm Nguyễn Khánh Linh	12/06/2005	Nữ	Kinh	7.8	7.3	8.1	Khá
178	9/12	Phạm Nguyễn Quốc Bảo	06/02/2005	Nam	Kinh	5	7.7	4.8	Trung bình
179	9/12	Phạm Thiện Nhân	20/10/2005	Nam	Kinh	6	8.8	7.1	Khá
180	9/12	Trịnh Thu Thảo	15/06/2005	Nữ	Kinh	5.6	7.8	5.2	Khá
181	9/12	Trương Quốc Nam	10/09/2005	Nam	Kinh	7.2	8.7	8.6	Giỏi
182	9/12	Võ Thiên Phú	12/03/2005	Nam	Kinh	8.4	8.9	7.8	Khá
183	9/12	Vũ Trọng Nhân	23/06/2005	Nam	Kinh	7.5	8.6	6.6	Khá
184	9/13	Cao Minh Trường Thịnh	08/06/2005	Nam	Kinh	7.5	8.3	6	Khá
185	9/13	Cao Phi Long	17/01/2005	Nam	Kinh	6.5	8.4	6.5	Giỏi
186	9/13	Cao Trần Mai Phương	27/10/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.8	7.9	Giỏi
187	9/13	Châu Gia Khiêm	09/09/2005	Nam	Kinh	7	8	7.1	Giỏi
188	9/13	Chu Kim Ngân	07/01/2005	Nữ	Kinh	7.1	8	6	Khá
189	9/13	Chu Thị Như Quỳnh	22/11/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.6	7.2	Giỏi
190	9/13	Hồ Bảo Ngọc	24/03/2005	Nữ	Kinh	8.7	8.8	8.8	Giỏi
191	9/13	Hoàng Nguyễn Trúc Ly	11/11/2005	Nữ	Kinh	5.8	8.1	4.5	Trung bình
192	9/13	Huỳnh Đức Huy	22/11/2005	Nam	Kinh	7.5	8.4	6.5	Giỏi
193	9/13	Lâm Ánh Linh	18/08/2005	Nữ	Kinh	8.2	9	7.1	Giỏi
194	9/13	Lâm Tâm Như	13/10/2005	Nữ	Kinh	5.9	7.7	5.1	Khá
195	9/13	Lê Hoàn Kim	12/05/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.6	7.5	Giỏi
196	9/13	Lê Hữu Đạt	29/12/2005	Nam	Kinh	5.7	8	5	Trung bình
197	9/13	Lê Nguyễn Hoàng Mai	18/01/2005	Nữ	Kinh	7.2	8.9	6.1	Khá
198	9/13	Lương Nguyễn Minh Quân	18/10/2005	Nam	Kinh	4.3	7.1	4.9	Trung bình
199	9/13	Mai Lê Phương Nga	03/02/2005	Nữ	Kinh	8.2	8	6	Khá
200	9/13	Nguyễn Anh Đức	03/11/2005	Nam	Kinh	6.6	8	5.8	Khá
201	9/13	Nguyễn Công Minh	22/11/2005	Nam	Kinh	5.3	8.3	6	Khá
202	9/13	Nguyễn Diệp Duy An	24/02/2005	Nam	Kinh	7.2	8.1	8.7	Giỏi
203	9/13	Nguyễn Đình Đình Thành	28/05/2005	Nam	Kinh	7.4	8.9	8	Giỏi
204	9/13	Nguyễn Đỗ Bảo Quan	22/01/2005	Nam	Kinh	6.8	7.4	6.1	Khá
205	9/13	Nguyễn Đức Duy	09/01/2005	Nam	Kinh	5.7	7.3	3.7	Trung bình
206	9/13	Nguyễn Hạnh Nguyên	04/08/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.6	6.2	Khá
207	9/13	Nguyễn Hoàn Tố Trinh	01/04/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.5	5.9	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
208	9/13	Nguyễn Hoàng Kim	30/08/2005	Nam	Kinh	5	7.1	5.4	Khá
209	9/13	Nguyễn Hoàng Quân	12/07/2005	Nam	Kinh	6.6	8.2	5.5	Khá
210	9/13	Nguyễn Khánh	22/10/2005	Nam	Kinh	6.8	8.3	5.6	Khá
211	9/13	Nguyễn Kim Trúc	24/03/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.6	7	Giỏi
212	9/13	Nguyễn Minh Kha	08/11/2005	Nam	Kinh	5	7.3	6.6	Khá
213	9/13	Nguyễn Minh Quyền	23/04/2005	Nam	Kinh	7.1	9	8.3	Giỏi
214	9/13	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	15/08/2005	Nữ	Kinh	6.6	6.5	4.9	Trung bình
215	9/13	Nguyễn Ngọc Nam Nghi	08/08/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.8	6.5	Giỏi
216	9/13	Nguyễn Nhật Minh	23/04/2005	Nam	Kinh	6.2	8	6.3	Khá
217	9/13	Nguyễn Quốc Anh	26/10/2005	Nam	Kinh	5.9	9	7	Khá
218	9/13	Nguyễn Thái Ngọc Quỳnh	22/10/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.8	7.8	Giỏi
219	9/13	Nguyễn Thị Yến Nhi	08/11/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.6	6	Khá
220	9/13	Nguyễn Vĩnh Phát	26/05/2005	Nam	Kinh	6.5	8.2	5.8	Khá
221	9/13	Phạm Ngọc Ân Quyên	13/12/2005	Nữ	Kinh	8	8.8	8.7	Giỏi
222	9/13	Thân Trần Thiên Nga	24/04/2005	Nữ	Kinh	6.9	9	6.5	Giỏi
223	9/13	Tô Hoàng Gia Huy	18/01/2005	Nam	Kinh	7.4	8.5	6.8	Giỏi
224	9/13	Tô Hoàng Gia Mẫn	18/01/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.7	5.1	Giỏi
225	9/13	Trần Lâm Như Quỳnh	06/02/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.6	6.9	Giỏi
226	9/13	Trần Nguyễn Phương Quyên	24/04/2005	Nữ	Kinh	7.3	9.1	6.8	Giỏi
227	9/13	Trung Ngọc Bảo Trân	17/01/2005	Nữ	Kinh	6.8	7.3	4.8	Trung bình
228	9/13	Trương Tuyết Anh	22/01/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.7	7.5	Giỏi
229	9/13	Vũ Ngọc Gia Hân	17/05/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.6	6.5	Giỏi
230	9/13	Vũ Thiên Phước	13/09/2005	Nam	Kinh	5	7.4	5	Trung bình
231	9/13	Vương Tiên Nhi	31/08/2005	Nữ	Kinh	6.3	8.3	6.3	Khá
232	9/14	Cao Thụy Cẩm Tiên	07/06/2005	Nữ	Kinh	6.4	7.7	5.1	Khá
233	9/14	Đặng Mai Hân	21/01/2005	Nữ	Kinh	8.4	8.5	8.6	Giỏi
234	9/14	Đặng Thị Thu Hà	26/11/2005	Nữ	Kinh	5.4	5.6	5.1	Trung bình
235	9/14	Đinh Ngọc Tú Quỳnh	29/06/2005	Nữ	Kinh	6.1	8.1	7.5	Khá
236	9/14	Đinh Quang Điển	31/07/2005	Nam	Kinh	5.8	6.8	5.6	Khá
237	9/14	Đỗ Kiên Tường	22/01/2005	Nam	Kinh	6.1	7.8	7.1	Khá
238	9/14	Đỗ Phạm Minh Thư	03/04/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.7	8.9	Giỏi
239	9/14	Đồng Ngọc Minh Uyên	12/03/2005	Nữ	Kinh	6.4	8.7	6.2	Khá
240	9/14	Dương Hoàng Phúc	23/06/2003	Nam	Kinh	5.7	7.4	4.7	Trung bình
241	9/14	Hà Kiều Anh	25/04/2005	Nữ	Kinh	6.4	8	5.9	Khá
242	9/14	Hà Minh Thư	15/10/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.7	8.2	Giỏi
243	9/14	Hà Phạm Minh Thông	23/10/2005	Nam	Kinh	7.8	9	9.6	Giỏi
244	9/14	Hoàng Ngọc Đoan Trang	03/04/2004	Nữ	Kinh	5.4	5	4.7	Trung bình
245	9/14	Hoàng Vương Ngọc Yến	10/07/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.8	8.5	Giỏi
246	9/14	Hứa Ngọc Quỳnh Anh	14/04/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.7	7.4	Giỏi
247	9/14	Lê Hiếu Liên Nghi	06/04/2005	Nữ	Kinh	6.9	7.1	7.3	Khá
248	9/14	Lê Nguyễn Tiên Nga	10/08/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.1	7	Khá
249	9/14	Lê Trúc Quỳnh	15/06/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.2	8.3	Giỏi
250	9/14	Mai Khắc Huy	15/10/2005	Nam	Kinh	7.4	6.2	6.4	Khá
251	9/14	Nguyễn Cao Duy	13/06/2005	Nam	Kinh	7.5	9.2	9.2	Giỏi
252	9/14	Nguyễn Dương Hạo Long	13/07/2005	Nam	Kinh	6.2	6.7	5.5	Khá
253	9/14	Nguyễn Hà Gia Bảo	26/06/2005	Nam	Kinh	6.9	8.2	7.5	Giỏi
254	9/14	Nguyễn Hà Minh Thư	02/09/2005	Nữ	Kinh	5.2	5.8	5.2	Trung bình
255	9/14	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	10/03/2005	Nam	Kinh	6.8	8.9	8.5	Giỏi
256	9/14	Nguyễn Hoàng Thiên Lam	01/08/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.3	7.2	Giỏi
257	9/14	Nguyễn Hoàng Tường Vy	30/03/2005	Nữ	Kinh	7	8.6	8	Giỏi
258	9/14	Nguyễn Huỳnh Minh Đức	30/08/2005	Nam	Kinh	5.4	4.5	4.6	Trung bình
259	9/14	Nguyễn Minh Tâm	06/05/2005	Nam	Kinh	5.8	7.4	6	Khá
260	9/14	Nguyễn Ngọc Hòa	09/01/2005	Nam	Kinh	5.2	5.4	4	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
261	9/14	Nguyễn Ngọc Lâm Anh	14/04/2005	Nữ	Kinh	8	8.7	9.5	Giỏi
262	9/14	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	26/05/2005	Nữ	Kinh	5.5	5.8	5.8	Trung bình
263	9/14	Nguyễn Phương Diễm Quỳnh	26/07/2005	Nữ	Kinh	8.4	8.7	8.5	Giỏi
264	9/14	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	Nam	Kinh	5.7	7.4	4.8	Trung bình
265	9/14	Nguyễn Thiên Như Ý	10/08/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.8	9.1	Giỏi
266	9/14	Nguyễn Thu Minh	19/05/2005	Nữ	Kinh	6.1	7.7	4.6	Trung bình
267	9/14	Nguyễn Thụy Mai Phương	21/01/2005	Nữ	Kinh	6.3	8.2	8.5	Khá
268	9/14	Nguyễn Trúc Huỳnh	05/11/2005	Nữ	Kinh	6.6	8.5	9	Giỏi
269	9/14	Phạm Nguyễn Minh Thu	16/07/2005	Nữ	Kinh	6.5	6.3	6.2	Khá
270	9/14	Phạm Quỳnh Trang	23/07/2005	Nữ	Kinh	6.2	5.1	5.4	Trung bình
271	9/14	Phùng Thiên Trinh	26/09/2005	Nữ	Kinh	5.2	6	5.8	Trung bình
272	9/14	Tô Thùy Vân	02/08/2005	Nữ	Hoa	7.1	8	7.6	Giỏi
273	9/14	Trần Bảo Ngọc	18/05/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.9	9.5	Giỏi
274	9/14	Trần Minh Đạt	28/10/2005	Nam	Kinh	5.2	6.4	5	Trung bình
275	9/14	Trần Ngọc Kiều Vy	28/08/2005	Nữ	Kinh	8.5	9.1	9.4	Giỏi
276	9/14	Trần Nguyễn Anh Thu	08/03/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.7	8.1	Giỏi
277	9/14	Vũ Hoàng Nam	24/08/2005	Nam	Hoa	6.9	7.3	6.5	Khá
278	9/14	Vũ Huyền Trang	12/07/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.7	5	Khá
279	9/15	Bùi Nguyễn Ngọc Lan	27/05/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.7	7.7	Giỏi
280	9/15	Đặng Khánh Duy	19/09/2005	Nam	Kinh	6.6	7.6	4.8	Trung bình
281	9/15	Đào Hoàng Long	10/06/2005	Nam	Kinh	7.5	8.4	5.1	Trung bình
282	9/15	Đào Nguyễn Trung Nguyên	24/09/2005	Nam	Kinh	4.5	6.9	5	Trung bình
283	9/15	Đình Minh Hiếu	04/07/2005	Nam	Kinh	6.3	7.9	4.4	Trung bình
284	9/15	Đình Minh Thuận	04/07/2005	Nam	Kinh	5.9	7.8	5.4	Trung bình
285	9/15	Đỗ Hoàng Khánh Linh	06/03/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.4	7.4	Giỏi
286	9/15	Đỗ Thùy Trang	03/05/2005	Nữ	Kinh	6.2	8.6	6.9	Khá
287	9/15	Đoàn Minh Thuận	13/07/2005	Nam	Kinh	4.4	5.3	3.9	Trung bình
288	9/15	Hà Xuân Mai	07/11/2005	Nữ	Kinh	6.9	7.2	5	Khá
289	9/15	Hồ Nguyễn Thảo Nhi	28/06/2005	Nữ	Kinh	5.1	7.3	4.9	Trung bình
290	9/15	Huỳnh Bá Khôi	04/09/2005	Nam	Kinh	7	8.1	5.7	Khá
291	9/15	Huỳnh Chấn Bảo	24/11/2005	Nam	Kinh	7.2	7.2	5.4	Khá
292	9/15	Lại Thế Đạt	31/10/2005	Nam	Kinh	6.1	7.4	6.5	Khá
293	9/15	Lê Tấn Tài	21/11/2005	Nam	Kinh	5.8	8.1	5.6	Khá
294	9/15	Lê Thị Khánh Vy	08/05/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.8	6	Khá
295	9/15	Lê Thị Vân Anh	19/07/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.2	6.8	Giỏi
296	9/15	Lê Trung Nghĩa	06/04/2005	Nam	Kinh	7.1	7.6	7.1	Khá
297	9/15	Nguyễn Bảo Trâm	14/07/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.3	5.8	Khá
298	9/15	Nguyễn Bích Ngọc	14/10/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.7	5.3	Khá
299	9/15	Nguyễn Duy Quang	06/10/2005	Nam	Kinh	5.2	6.7	4	Trung bình
300	9/15	Nguyễn Gia Bảo	20/01/2005	Nam	Kinh	7.6	8.8	7.4	Giỏi
301	9/15	Nguyễn Gia Huy	19/10/2005	Nam	Kinh	4.6	8.3	4.3	Trung bình
302	9/15	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	26/04/2005	Nam	Kinh	7.6	7.7	6.3	Khá
303	9/15	Nguyễn Kiều Oanh	07/02/2005	Nữ	Kinh	7.3	9.3	8.7	Giỏi
304	9/15	Nguyễn Minh Tuấn	20/11/2005	Nam	Kinh	7.9	8.3	8.9	Giỏi
305	9/15	Nguyễn Ngọc Lan Phương	23/02/2005	Nữ	Kinh	5.1	5.5	4.3	Trung bình
306	9/15	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	16/01/2005	Nữ	Kinh	6.8	9.3	7.6	Giỏi
307	9/15	Nguyễn Phạm Ngọc Diễm	02/11/2005	Nữ	Kinh	6	8.4	7.5	Khá
308	9/15	Nguyễn Phạm Ngọc Liên	19/08/2005	Nữ	Kinh	5.6	7.5	4.9	Trung bình
309	9/15	Nguyễn Phương Quỳnh	18/02/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.9	8.2	Khá
310	9/15	Nguyễn Thế Quân	27/11/2005	Nam	Kinh	7.3	8.4	7.9	Giỏi
311	9/15	Nguyễn Trần Thiên Ân	19/11/2005	Nam	Kinh	7	8.2	7.4	Giỏi
312	9/15	Nguyễn Trần Trang Thi	13/10/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6.6	Khá
313	9/15	Nguyễn Trí Dũng	27/12/2005	Nam	Kinh	5	7.4	5	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
314	9/15	Nguyễn Tuấn Anh	07/03/2005	Nam	Kinh	5	6.4	4.4	Trung bình
315	9/15	Nguyễn Vũ Ngọc Nhi	06/08/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.8	8	Giỏi
316	9/15	Phan Ngọc Hân	18/09/2005	Nữ	Kinh	7.6	7.7	6	Khá
317	9/15	Phan Nguyễn Hoàng Minh	15/12/2005	Nam	Kinh	7.2	8.4	5.1	Khá
318	9/15	Phan Trung Lễ	30/08/2005	Nam	Kinh	6.5	8.1	5.7	Khá
319	9/15	Thân Hoàng Kim Ngân	01/04/2005	Nữ	Kinh	7	8.6	8.6	Giỏi
320	9/15	Trần Anh Khoa	30/09/2005	Nam	Kinh	7.3	8.6	7.2	Giỏi
321	9/15	Trần Ngọc Uyên Vy	29/06/2005	Nữ	Kinh	6.7	8	6.5	Giỏi
322	9/15	Trần Quốc Thuận	19/07/2005	Nam	Kinh	3.8	6.9	5	Trung bình
323	9/15	Trang Hoàng Minh Chiến	08/12/2005	Nam	Kinh	3.8	7.4	4	Trung bình
324	9/15	Võ Ngọc Khánh Linh	18/07/2005	Nữ	Kinh	6.6	8.9	6.9	Giỏi
325	9/15	Vũ Ngọc Hân	02/05/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.1	6.3	Khá
326	9/15	Vũ Quốc Việt	09/10/2005	Nam	Kinh	7.1	8.4	8.8	Giỏi
327	9/2	Bùi Minh Duy	19/01/2005	Nam	Kinh	7.5	8.6	8.2	Giỏi
328	9/2	Bùi Nguyễn Nhất Anh	13/02/2005	Nam	Kinh	6.9	9	8.9	Giỏi
329	9/2	Châu Nguyễn Bảo Ngọc	07/07/2005	Nữ	Kinh	7	8.6	8.7	Giỏi
330	9/2	Châu Nguyễn Thanh Nhân	13/04/2005	Nữ	Kinh	5.9	7.7	6.5	Khá
331	9/2	Chu Thị Yến Nhi	05/09/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.8	8	Giỏi
332	9/2	Chung Hoàng Hiệp	20/04/2005	Nam	Kinh	7.3	8.7	5.6	Khá
333	9/2	Đặng Hà Nam Phương	23/08/2005	Nữ	Kinh	7.7	8.6	7.6	Giỏi
334	9/2	Đặng Phương Nhi	27/04/2005	Nữ	Kinh	8	8.7	9.1	Giỏi
335	9/2	Đặng Quang Huy	07/01/2005	Nam	Kinh	7.7	9.1	7.9	Giỏi
336	9/2	Đào Thùy An	17/11/2005	Nữ	Kinh	7.4	9.1	9.4	Giỏi
337	9/2	Dương Vĩnh Khang	13/02/2005	Nam	Kinh	7.4	8.9	8.2	Giỏi
338	9/2	Hồ Ngọc Thanh Châu	02/01/2005	Nữ	Kinh	8.4	9.1	9.3	Giỏi
339	9/2	Hoàng Thanh Thiên Ân	03/10/2005	Nữ	Kinh	8.3	9.4	9.8	Giỏi
340	9/2	Hoàng Vũ Nguyên Khôi	23/06/2005	Nam	Kinh	7.7	8.9	8.5	Giỏi
341	9/2	La Phương Nghi	23/04/2005	Nữ	Kinh	8.2	8	5.7	Giỏi
342	9/2	Lê Nguyễn Hân Hân	19/05/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.8	7.8	Giỏi
343	9/2	Lê Nhật Anh	11/02/2005	Nam	Kinh	6.4	8.2	6.3	Khá
344	9/2	Lê Phương Thảo	20/11/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.9	7.9	Giỏi
345	9/2	Lưu Quốc Hùng	21/07/2005	Nam	Kinh	6.8	8.1	6	Khá
346	9/2	Mai Khánh Ngân	15/12/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.6	9.5	Giỏi
347	9/2	Nguyễn Anh Thư	27/07/2005	Nữ	Kinh	6.8	8	7.8	Giỏi
348	9/2	Nguyễn Đỗ Quý Quyên	29/01/2005	Nữ	Kinh	8	8.8	7.8	Giỏi
349	9/2	Nguyễn Duy Nam	05/01/2005	Nam	Kinh	6.3	7.5	7	Khá
350	9/2	Nguyễn Hoàng Bảo Thắng	04/04/2005	Nam	Kinh	5.4	7.8	7.5	Khá
351	9/2	Nguyễn Huỳnh Phú	13/01/2005	Nam	Kinh	6	8.7	8.3	Khá
352	9/2	Nguyễn Lê Minh Đức	21/08/2005	Nam	Kinh	6.6	8.8	7.2	Giỏi
353	9/2	Nguyễn Linh Chi	25/10/2005	Nữ	Kinh	7	8.4	7.7	Giỏi
354	9/2	Nguyễn Mai Diệu Hiền	14/07/2005	Nữ	Kinh	7.4	9	7.1	Giỏi
355	9/2	Nguyễn Ngọc Linh	27/10/2005	Nữ	Kinh	7	8.2	7.5	Khá
356	9/2	Nguyễn Phạm Thúy Quỳnh	06/12/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.8	6.2	Khá
357	9/2	Nguyễn Quyết Thắng	08/12/2005	Nam	Kinh	7.1	8.8	7.1	Giỏi
358	9/2	Nguyễn Thiên Kim	17/06/2005	Nữ	Kinh	8.2	9	7.7	Giỏi
359	9/2	Nguyễn Trọng Phúc	06/03/2005	Nam	Kinh	6.1	8.7	7	Khá
360	9/2	Nguyễn Trung Hiếu	23/03/2005	Nam	Kinh	7.6	9.1	8.2	Giỏi
361	9/2	Nguyễn Vũ Anh Khoa	15/08/2005	Nam	Kinh	4.7	5.2	4.6	Trung bình
362	9/2	Nguyễn Vũ Bảo Trân	14/11/2005	Nữ	Kinh	5.5	7.4	4.6	Trung bình
363	9/2	Phạm Hoàng Gia	13/07/2005	Nam	Kinh	7	8.6	5	Khá
364	9/2	Phạm Hoàng Minh Hiếu	02/02/2005	Nam	Kinh	7.2	9.6	8.8	Giỏi
365	9/2	Phan Thị Hằng Nga	18/02/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.5	6.8	Giỏi
366	9/2	Phan Thị Quỳnh Hương	27/07/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.3	7.3	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
367	9/2	Phan Vũ Ngọc Tuyền	01/06/2005	Nữ	Kinh	8.3	9.2	9.2	Giỏi
368	9/2	Tô Ánh Dương	15/02/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.8	7.2	Giỏi
369	9/2	Trần Nhật Quang	20/01/2005	Nam	Kinh	6.9	8.6	8.9	Giỏi
370	9/2	Trần Văn Khải	03/09/2005	Nam	Kinh	7.7	9	9	Giỏi
371	9/2	Trịnh Tuấn Duy	20/12/2005	Nam	Kinh	7.1	8.9	8.5	Giỏi
372	9/2	Trương Nguyễn Đăng Khoa	10/08/2005	Nam	Kinh	5.5	8.3	5.9	Khá
373	9/2	Trương Phạm Triệu Dược	09/01/2005	Nam	Kinh	5.2	7.7	7.8	Khá
374	9/2	Võ Hoàng Bảo Trân	14/11/2005	Nữ	Kinh	8.1	9.1	9.2	Giỏi
375	9/2	Võ Trần Mai Thy	11/07/2005	Nữ	Kinh	7	8.7	8	Giỏi
376	9/2	Vũ Cát Khanh	18/07/2005	Nữ	Kinh	8	9	9.1	Giỏi
377	9/3	Bùi Phạm Thanh Phương	01/11/2005	Nam	Kinh	7.2	8.3	7.1	Giỏi
378	9/3	Chung Mỹ Ngọc	07/12/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.1	5.9	Khá
379	9/3	Đặng Minh Nhật	11/09/2005	Nam	Kinh	6.5	8.3	5.6	Khá
380	9/3	Dương Nguyễn Thảo Vy	03/06/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.3	9.2	Giỏi
381	9/3	Hà Minh Khôi	27/02/2005	Nam	Kinh	7.4	8.1	8.4	Giỏi
382	9/3	Hàng Hạnh Vy	29/05/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.8	7.1	Khá
383	9/3	Lê Đức Phát	27/02/2005	Nam	Kinh	6.7	7.8	7.6	Khá
384	9/3	Lê Thị Ngọc Lan	19/05/2005	Nữ	Kinh	5.7	7.8	5.4	Khá
385	9/3	Lê Thị Yến Nhi	23/09/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.8	9.1	Giỏi
386	9/3	Lê Thùy Đan	07/04/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.8	9.7	Giỏi
387	9/3	Lư Thị Hồng Hân	03/12/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.3	5.6	Khá
388	9/3	Ngô Đình An	17/06/2005	Nam	Kinh	8.2	9.3	9.8	Giỏi
389	9/3	Nguyễn Đắc Bảo Tú	23/10/2005	Nam	Kinh	5	6.6	6.7	Khá
390	9/3	Nguyễn Đăng Khoa	26/11/2005	Nam	Kinh	7.3	8.1	7.6	Giỏi
391	9/3	Nguyễn Đình Hoàng Anh	27/07/2005	Nam	Kinh	5.7	6.5	5.9	Khá
392	9/3	Nguyễn Đỗ Quỳnh Như	13/01/2005	Nữ	Kinh	8	8.9	9.5	Giỏi
393	9/3	Nguyễn Dương Hiếu	12/11/2005	Nam	Kinh	7.6	8.7	8	Giỏi
394	9/3	Nguyễn Hải Mi	12/09/2005	Nữ	Kinh	8.2	7.4	7.4	Giỏi
395	9/3	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	15/06/2005	Nam	Kinh	7.2	8.6	7.6	Giỏi
396	9/3	Nguyễn Hồng Phúc	25/10/2005	Nam	Kinh	5.5	6.8	8.4	Khá
397	9/3	Nguyễn Huỳnh Ngọc Mỹ	28/04/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.1	6	Khá
398	9/3	Nguyễn Lê Nam Nguyên	02/11/2005	Nam	Kinh	6.9	7.6	8.8	Khá
399	9/3	Nguyễn Mạnh Dũng	25/07/2005	Nam	Kinh	6.5	8	6.5	Khá
400	9/3	Nguyễn Thanh Anh Vũ	12/09/2005	Nam	Kinh	6.7	8	4.4	Trung bình
401	9/3	Nguyễn Thiên Ân	05/07/2005	Nữ	Kinh	5.8	8.1	6.2	Khá
402	9/3	Nguyễn Thụy Hồng Nghi	24/05/2005	Nữ	Kinh	8.7	9.2	9.7	Giỏi
403	9/3	Nguyễn Trần Phương Trinh	12/11/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.9	6.2	Khá
404	9/3	Nguyễn Trọng Đỗ Bằng	27/11/2005	Nam	Kinh	7.2	8	6.7	Khá
405	9/3	Nguyễn Tuấn Hiệp	27/01/2005	Nam	Kinh	7.5	8.8	9.6	Giỏi
406	9/3	Nguyễn Việt Hà	30/10/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.2	7.1	Giỏi
407	9/3	Nguyễn Vũ Quỳnh Phương	09/12/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.8	5	Khá
408	9/3	Phạm Bùi Minh Thư	09/06/2005	Nữ	Kinh	6	8.6	5	Khá
409	9/3	Phạm Hữu Trọng	26/06/2005	Nam	Kinh	7.4	8.5	7.8	Giỏi
410	9/3	Phạm Quỳnh Nhã Phương	22/07/2005	Nữ	Kinh	6	8.8	5.4	Khá
411	9/3	Phan Hồng Châu	14/07/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.3	5.8	Khá
412	9/3	Tô Lê Phương Anh	16/05/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.9	8.2	Giỏi
413	9/3	Tổng Ngọc Trường Giang	18/08/2005	Nam	Kinh	8	7.8	9.2	Giỏi
414	9/3	Trần Gia Huy	02/01/2005	Nam	Kinh	5.3	7.9	5.3	Khá
415	9/3	Trần Hạo Nam	26/08/2005	Nam	Kinh	5.4	7.2	3.7	Trung bình
416	9/3	Trần Mỹ Uyên	24/09/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.1	8	Giỏi
417	9/3	Trần Ngọc Anh Huy	01/02/2005	Nam	Kinh	7.7	8.2	9.1	Giỏi
418	9/3	Trần Thanh Quyền	22/04/2005	Nam	Kinh	6.9	8.3	7.6	Giỏi
419	9/3	Trần Tuấn Kiệt	26/12/2004	Nam	Kinh	5.2	6.7	4.9	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
420	9/3	Trịnh Công Tạo	02/03/2004	Nam	Kinh	5.7	7.1	5.5	Khá
421	9/3	Võ Minh Tuấn	26/06/2005	Nam	Kinh	5.9	8.3	6.1	Khá
422	9/3	Võ Ngọc Anh Thy	21/05/2005	Nữ	Kinh	8	9.5	9.4	Giỏi
423	9/3	Võ Phạm Mai Trân	04/06/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.4	7.1	Khá
424	9/3	Vũ Thị Hoài Phương	10/06/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.8	9	Giỏi
425	9/4	Đặng Trần Thanh Trúc	21/04/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.4	8.3	Giỏi
426	9/4	Đặng Trình Minh Hoàng	22/02/2005	Nam	Kinh	7.1	8.4	6	Khá
427	9/4	Đào Nguyễn Mai Hân	17/08/2005	Nữ	Kinh	8.2	8.7	9.7	Giỏi
428	9/4	Đậu Hoàng Trâm Anh	06/03/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.2	8.6	Giỏi
429	9/4	Đinh Sỹ Chí Bảo	13/08/2005	Nam	Kinh	6.2	8.1	7.3	Khá
430	9/4	Đinh Thế Nam	27/01/2005	Nam	Kinh	4.8	5.7	4.8	Trung bình
431	9/4	Dương Hiền Hồng Châu	18/12/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.9	7.6	Khá
432	9/4	Dương Thị Kim Ngân	07/07/2005	Nữ	Kinh	7	8.6	6.3	Khá
433	9/4	Dương Trung Hiếu	21/11/2005	Nam	Kinh	7.1	8.9	9.4	Giỏi
434	9/4	Lê Đăng Khoa	09/07/2005	Nam	Kinh	5.9	8.2	6.9	Khá
435	9/4	Lê Minh Anh Thư	15/07/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.4	7.5	Giỏi
436	9/4	Lữ Quang Minh	09/05/2005	Nam	Hoa	6.1	7.7	7	Khá
437	9/4	Mai Thị Thanh Hà	05/01/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.5	7.3	Giỏi
438	9/4	Ngô Đình Gia Bảo	28/10/2005	Nam	Kinh	6.4	8.7	7.5	Khá
439	9/4	Ngô Thanh An	27/05/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.4	8.6	Giỏi
440	9/4	Ngô Thục Quyên	23/03/2005	Nữ	Hoa	4.1	5.1	5.3	Trung bình
441	9/4	Nguy Tiến Vương	15/02/2005	Nam	Kinh	3.6	7	4.3	Trung bình
442	9/4	Nguyễn Bảo Ngọc	26/09/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.2	7.3	Giỏi
443	9/4	Nguyễn Đặng Kỳ Phát	10/03/2005	Nam	Kinh	7.4	8.9	9.7	Giỏi
444	9/4	Nguyễn Đỗ Yến Vy	22/11/2005	Nữ	Kinh	7	8.5	8.5	Giỏi
445	9/4	Nguyễn Đức Minh	08/10/2005	Nam	Kinh	7.7	9.1	8.3	Giỏi
446	9/4	Nguyễn Hoàng Minh Thông	15/08/2005	Nam	Kinh	5.1	4.4	6.2	Trung bình
447	9/4	Nguyễn Hồng Hải	16/11/2005	Nam	Kinh	6.2	8.2	6.6	Khá
448	9/4	Nguyễn Huỳnh Tú My	21/07/2005	Nữ	Kinh	6.1	8.7	9.1	Khá
449	9/4	Nguyễn Lê Mai Anh	04/07/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.9	8.5	Giỏi
450	9/4	Nguyễn Minh Hồng Trúc	25/07/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.7	5.4	Khá
451	9/4	Nguyễn Minh Tú	06/11/2005	Nam	Kinh	6.3	8.5	6.5	Khá
452	9/4	Nguyễn Ngọc Đan Nhi	20/09/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.7	6	Khá
453	9/4	Nguyễn Phạm Duy Tiến	15/03/2005	Nam	Kinh	4.2	6.5	3.6	Trung bình
454	9/4	Nguyễn Phương Thảo	21/09/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.7	8.5	Giỏi
455	9/4	Nguyễn Sỹ Trường Huy	21/08/2005	Nam	Kinh	7	8.3	8.1	Giỏi
456	9/4	Nguyễn Thị Ngọc Linh	02/06/2005	Nữ	Kinh	6.1	8.4	5.9	Khá
457	9/4	Nguyễn Thùy Linh	01/10/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.6	8	Giỏi
458	9/4	Nguyễn Trần Anh Khoa	11/04/2005	Nam	Kinh	6.6	8.5	7.4	Giỏi
459	9/4	Nguyễn Trung Hiếu	02/11/2005	Nam	Kinh	5.3	6.7	4.7	Trung bình
460	9/4	Nguyễn Trương Bình An	08/09/2005	Nam	Kinh	7.6	8.5	8.2	Giỏi
461	9/4	Nguyễn Võ Anh Duy	11/03/2005	Nam	Kinh	6.7	7.7	5.1	Khá
462	9/4	Nguyễn Vũ Bảo Nghi	03/03/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.8	7.2	Giỏi
463	9/4	Nguyễn Vũ Duy	05/11/2005	Nam	Kinh	7.2	8.3	7.9	Giỏi
464	9/4	Nguyễn Vũ Thanh	15/01/2005	Nam	Kinh	6.6	8.2	7.1	Giỏi
465	9/4	Phạm Quốc An	19/08/2005	Nam	Kinh	4.7	8.3	6.4	Trung bình
466	9/4	Phạm Vũ Trung Kiên	30/07/2005	Nam	Kinh	5.1	7.4	5.3	Khá
467	9/4	Phùng Ngọc Thủy Tiên	22/04/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.4	8.3	Giỏi
468	9/4	Trần Hoàng Gia Bảo	22/09/2005	Nữ	Kinh	6.2	8.4	6.2	Khá
469	9/4	Trần Nguyễn Thiên Thanh	28/03/2005	Nữ	Kinh	6.5	7.7	6.3	Khá
470	9/4	Trương Hoàng Yến Linh	22/05/2005	Nữ	Kinh	7.5	9.1	8.6	Giỏi
471	9/4	Trương Minh Tài	06/06/2005	Nam	Kinh	5.9	7.8	6.6	Khá
472	9/4	Võ Thị Thanh Tuyền	08/06/2005	Nữ	Kinh	6	7.4	6.5	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
473	9/5	Bùi Cẩm Thu	12/02/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.5	8.4	Giỏi
474	9/5	Bùi Duy Hoàng Phúc	11/12/2005	Nam	Kinh	7.3	9.6	9	Giỏi
475	9/5	Bùi Võ Hoàng Khang	07/08/2005	Nam	Kinh	6.5	6.9	6.9	Khá
476	9/5	Đinh Đậu Quỳnh Giang	21/12/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.3	7	Giỏi
477	9/5	Đinh Lê Thanh Vy	03/02/2005	Nữ	Kinh	7	8.1	8.2	Giỏi
478	9/5	Đinh Trần Quốc Bảo	19/04/2005	Nam	Kinh	6.6	7.5	6.7	Khá
479	9/5	Đỗ Nguyên Văn	02/03/2005	Nam	Kinh	7.3	8	8.9	Giỏi
480	9/5	Đoàn Nguyễn Hạnh Nguyên	26/10/2005	Nữ	Kinh	8.2	9.4	9.6	Giỏi
481	9/5	Huỳnh Xuân Quốc Việt	09/03/2005	Nam	Kinh	7.9	9.6	8.4	Giỏi
482	9/5	Lại Thị Mỹ Duyên	30/01/2005	Nữ	Kinh	7.7	9.1	9	Giỏi
483	9/5	Lâm Phương Phụng	12/11/2005	Nữ	Kinh	8.3	9.3	9	Giỏi
484	9/5	Lầy Khánh An	01/06/2005	Nam	Hoa	7.1	9.8	8.4	Giỏi
485	9/5	Lê Gia Huy	14/07/2005	Nam	Kinh	7.1	8.7	8.4	Khá
486	9/5	Lê Hoàng Duy Bảo	17/07/2005	Nam	Kinh	8.2	10	9.3	Giỏi
487	9/5	Lê Ngọc Đan Thy	24/02/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.8	7.2	Giỏi
488	9/5	Lê Nguyễn Kiều Anh	18/12/2005	Nữ	Kinh	8.6	9.2	9.7	Giỏi
489	9/5	Lê Nguyễn Thảo Nhi	16/11/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.6	8.4	Giỏi
490	9/5	Lê Phương Nghi	23/03/2005	Nữ	Kinh	7.3	8.9	9.1	Giỏi
491	9/5	Lê Thiên Thường Ân	11/12/2005	Nữ	Kinh	8.7	8.7	9	Giỏi
492	9/5	Lưu Tuyết Mai	29/07/2005	Nữ	Hoa	7.3	8.4	7.9	Giỏi
493	9/5	Nguyễn Đặng Thiên Ngân	29/08/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.1	7.3	Giỏi
494	9/5	Nguyễn Đình Thái Hưng	29/07/2005	Nam	Kinh	8.7	8.8	9.6	Giỏi
495	9/5	Nguyễn Hà Hải Quyên	18/05/2005	Nữ	Kinh	7.9	9.2	9.7	Giỏi
496	9/5	Nguyễn Hải Nam	04/02/2005	Nam	Kinh	6.6	8.2	5.3	Khá
497	9/5	Nguyễn Lê Thành Phát	30/05/2005	Nam	Kinh	8.2	8.8	8.7	Giỏi
498	9/5	Nguyễn Lương Ngọc Hiếu	10/03/2005	Nam	Kinh	7.8	9	9.2	Giỏi
499	9/5	Nguyễn Minh Luân	23/03/2005	Nam	Kinh	6.5	7.7	7.5	Khá
500	9/5	Nguyễn Minh Quân	14/06/2005	Nam	Kinh	7.5	8.5	6.9	Giỏi
501	9/5	Nguyễn Ngọc Bảo Trà	18/04/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.6	8.6	Giỏi
502	9/5	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	15/06/2005	Nữ	Kinh	8.3	8.6	8.9	Giỏi
503	9/5	Nguyễn Phương Khải Đan	24/03/2005	Nữ	Kinh	7.1	9	9.2	Giỏi
504	9/5	Nguyễn Phương Ngọc	17/09/2005	Nữ	Kinh	8.1	9.3	9.3	Giỏi
505	9/5	Nguyễn Thành Danh	29/01/2005	Nam	Kinh	7.4	9.3	8.6	Giỏi
506	9/5	Nguyễn Tiến Dũng	03/03/2005	Nam	Kinh	6	7.4	6.6	Khá
507	9/5	Nguyễn Trần Gia Bảo	22/02/2005	Nam	Kinh	7.8	8.5	8.1	Giỏi
508	9/5	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	04/03/2005	Nam	Kinh	6.5	7.9	5.8	Khá
509	9/5	Nguyễn Vũ Phương Thảo	25/05/2005	Nữ	Kinh	7.8	9	7.9	Giỏi
510	9/5	Phạm Đàm Tuyết Vân	05/10/2005	Nữ	Kinh	8	8.3	8.1	Giỏi
511	9/5	Phạm Thị Trúc Loan	07/08/2005	Nữ	Kinh	7.4	8.2	7.6	Khá
512	9/5	Phạm Trần Uyên My	16/02/2005	Nữ	Kinh	8	9.5	7.4	Giỏi
513	9/5	Phan Huỳnh Kim Trúc	14/06/2005	Nữ	Kinh	7.8	9.2	9.7	Giỏi
514	9/5	Tô Hữu Bằng	19/04/2005	Nam	Kinh	6.5	9.4	7.6	Giỏi
515	9/5	Trần Đăng Quang	17/04/2005	Nam	Kinh	6.9	8.4	7.5	Giỏi
516	9/5	Trần Nguyễn Hoàng Kim	05/06/2005	Nữ	Kinh	8.4	9	8.1	Giỏi
517	9/5	Trần Phước Hải	23/08/2005	Nam	Kinh	6.5	8.4	7.5	Giỏi
518	9/5	Trần Vũ Minh Nhật	16/08/2005	Nam	Kinh	6.8	7.2	5.5	Khá
519	9/5	Trịnh Thanh Vân	18/11/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.9	8.3	Giỏi
520	9/5	Văn Nguyễn Công Hùng	16/07/2005	Nam	Kinh	8.2	9.5	8.6	Giỏi
521	9/5	Võ Hoàng Trúc Lam	29/01/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.8	8.6	Giỏi
522	9/5	Vũ Hải Yến	21/10/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.5	8.1	Giỏi
523	9/6	Bùi Khánh Linh	26/08/2005	Nữ	Kinh	5.9	7.5	6.4	Khá
524	9/6	Chu Quang Trường	06/10/2005	Nam	Kinh	7.4	8.9	8.6	Giỏi
525	9/6	Đinh Phạm Giáng Mi	25/12/2005	Nữ	Kinh	6.7	7.9	6.5	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
526	9/6	Đình Quốc Nghĩa	02/03/2005	Nam	Kinh	5.7	8.1	5.8	Khá
527	9/6	Đình Trần Quy	08/11/2005	Nam	Kinh	7.3	8.6	8.6	Giỏi
528	9/6	Đỗ Thành Trung	04/10/2005	Nam	Sán Diu	8	8.6	6.6	Giỏi
529	9/6	Đồng Trúc Ly	27/12/2005	Nữ	Kinh	5.9	7	7	Khá
530	9/6	Dương Anh Thư	07/07/2005	Nữ	Kinh	7.1	7.8	7.7	Khá
531	9/6	Hồ Trần Khánh Uyên	11/01/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.5	9.3	Giỏi
532	9/6	Huỳnh Thị Kim Phúc	22/10/2005	Nữ	Kinh	7.3	7.8	6.4	Khá
533	9/6	Lê Hoàng Tấn Khôi	19/01/2005	Nam	Kinh	5.9	7.2	6.5	Khá
534	9/6	Lê Nguyễn Như Quỳnh	27/04/2005	Nữ	Kinh	7.8	8	7.2	Giỏi
535	9/6	Lê Thành Nam	28/01/2005	Nam	Kinh	7.3	7.7	7.6	Khá
536	9/6	Mai Thị Huyền Trang	08/02/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.6	7.5	Khá
537	9/6	Ngô Minh Triết	18/09/2005	Nam	Kinh	6	7.1	6	Khá
538	9/6	Nguyễn Diệu Hồng Ánh	20/11/2005	Nữ	Kinh	7.2	8.6	9.2	Giỏi
539	9/6	Nguyễn Đình Anh Duy	11/06/2005	Nam	Kinh	6.7	7.6	7	Khá
540	9/6	Nguyễn Đình Cẩm Tiên	20/10/2005	Nữ	Kinh	5.4	7.6	4.1	Trung bình
541	9/6	Nguyễn Hoài An	21/09/2005	Nữ	Kinh	7	7.8	7.8	Khá
542	9/6	Nguyễn Hoàng Huynh	16/09/2005	Nam	Kinh	6.9	7.7	7.2	Khá
543	9/6	Nguyễn Hoàng Luân	15/10/2005	Nam	Kinh	6.4	8.2	8.5	Khá
544	9/6	Nguyễn Hoàng Như Ngọc	14/10/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.7	9.3	Giỏi
545	9/6	Nguyễn Hữu Nam Phong	02/03/2005	Nam	Kinh	8.6	9.2	8.9	Giỏi
546	9/6	Nguyễn Mậu Phước Tường	02/12/2005	Nam	Kinh	7.9	8.5	9	Giỏi
547	9/6	Nguyễn Minh Khang	01/06/2005	Nam	Kinh	6.8	7.9	7.7	Khá
548	9/6	Nguyễn Minh Long	02/05/2005	Nam	Kinh	8.1	9.2	8.9	Giỏi
549	9/6	Nguyễn Minh Quang	12/01/2005	Nam	Kinh	6.6	8	6.9	Giỏi
550	9/6	Nguyễn Ngọc Lâm	09/12/2005	Nam	Kinh	6.5	6.3	4.2	Trung bình
551	9/6	Nguyễn Ngọc Lan Vy	01/03/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.1	6.5	Khá
552	9/6	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	23/02/2005	Nữ	Kinh	7.6	7.6	8.1	Khá
553	9/6	Nguyễn Như Quỳnh	03/07/2005	Nữ	Kinh	7.9	8.4	8.5	Giỏi
554	9/6	Nguyễn Thanh Hoàng	23/11/2005	Nam	Kinh	6.5	7.7	6.7	Khá
555	9/6	Nguyễn Tuyết Ngân	02/02/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.7	8.9	Giỏi
556	9/6	Nguyễn Việt Bảo	23/02/2005	Nam	Kinh	6.1	6.7	6.3	Khá
557	9/6	Nguyễn Vũ Thái Thảo	13/02/2005	Nữ	Kinh	6.6	7.8	7.3	Khá
558	9/6	Phạm Khánh Linh	17/07/2005	Nữ	Kinh	6.2	7.8	6.8	Khá
559	9/6	Phạm Ngọc Phương Nghi	25/05/2005	Nữ	Kinh	6.2	7.8	8.3	Khá
560	9/6	Phạm Trung Dũng	12/12/2005	Nam	Kinh	6.8	8.5	8.1	Giỏi
561	9/6	Thái Hoàng Thảo Nhi	10/01/2005	Nữ	Kinh	7.5	8.7	8.8	Giỏi
562	9/6	Tôn Thất Anh Duy	15/01/2005	Nam	Kinh	7.2	7.4	6.8	Khá
563	9/6	Trần Đình Đăng Khoa	29/06/2005	Nam	Kinh	5.6	6.8	4.7	Trung bình
564	9/6	Trần Đoàn Thục Hân	19/09/2005	Nữ	Kinh	7.2	7.9	6.7	Khá
565	9/6	Trần Hoàng Khôi Nguyên	01/07/2005	Nam	Kinh	6.6	8.5	8.8	Giỏi
566	9/6	Trần Minh Hiếu	03/09/2005	Nam	Kinh	5.3	6.9	5.5	Khá
567	9/6	Trần Ngọc Minh	14/12/2005	Nam	Kinh	7.7	7.8	7	Khá
568	9/6	Trần Quang Đạt	24/03/2005	Nam	Kinh	7.2	8.8	9.6	Giỏi
569	9/6	Trần Trọng Tuấn	08/04/2005	Nam	Kinh	7.6	8.4	9.3	Giỏi
570	9/6	Trịnh Hoàng Anh	13/08/2005	Nam	Kinh	8	8.4	7.5	Giỏi
571	9/6	Trương Hữu Thịnh	10/06/2005	Nam	Kinh	5.7	6.1	5.5	Trung bình
572	9/6	Tường Hiếu Kiên	16/08/2005	Nam	Kinh	7.5	8.6	9.1	Giỏi
573	9/7	Đặng Tấn Phát	24/01/2005	Nam	Kinh	7.5	8.5	9.1	Giỏi
574	9/7	Đình Quang Minh	20/11/2005	Nam	Kinh	5.5	5.5	4.3	Trung bình
575	9/7	Đỗ Ngọc Bích	26/12/2005	Nữ	Kinh	6.3	5.2	4.8	Trung bình
576	9/7	Hồ Ngọc Minh Anh	06/07/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.3	6.7	Giỏi
577	9/7	Huỳnh Nguyễn Phương Uyên	22/07/2005	Nữ	Kinh	6.3	7.9	5.7	Khá
578	9/7	Lâm Mỹ Tú	08/03/2005	Nữ	Kinh	8.2	9	9.1	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
579	9/7	Lê Hoàng	15/01/2005	Nam	Kinh	7.1	7.2	8.1	Khá
580	9/7	Lê Mai Thảo	04/11/2005	Nữ	Kinh	6.7	6.2	4.9	Trung bình
581	9/7	Lê Phương Uyên	11/02/2005	Nữ	Kinh	6.3	6.8	4.8	Trung bình
582	9/7	Lê Quốc Việt	10/02/2005	Nam	Kinh	7.8	8.9	7.3	Giỏi
583	9/7	Lê Tâm Hoàng Sang	27/04/2005	Nam	Kinh	6.6	8.7	7.6	Giỏi
584	9/7	Lê Thị Mỹ Nhi	22/02/2005	Nữ	Kinh	5.3	7.1	5.3	Khá
585	9/7	Lê Việt Thuận	29/10/2005	Nam	Kinh	6.5	8.3	7.2	Giỏi
586	9/7	Lê Vũ Khánh Vy	13/07/2005	Nữ	Kinh	6.6	8.1	6.8	Giỏi
587	9/7	Nguyễn Đặng Thảo Ly	26/08/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.6	7	Giỏi
588	9/7	Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc	13/08/2005	Nữ	Kinh	7.4	8	8.3	Giỏi
589	9/7	Nguyễn Đức Minh Quân	08/04/2005	Nam	Kinh	7.2	8	4.6	Trung bình
590	9/7	Nguyễn Gia Huy	23/12/2005	Nam	Kinh	7.3	8.3	8	Giỏi
591	9/7	Nguyễn Hà Cát Tiên	10/01/2005	Nữ	Kinh	6	7.4	5.3	Khá
592	9/7	Nguyễn Hoàng Anh Thu	27/12/2005	Nữ	Kinh	8	8.8	8.8	Giỏi
593	9/7	Nguyễn Hoàng Lâm	03/07/2005	Nam	Kinh	7.8	7.6	5.4	Khá
594	9/7	Nguyễn Hoàng Phúc	12/01/2005	Nam	Kinh	7.9	9	9.2	Giỏi
595	9/7	Nguyễn Mai An Vy	19/08/2005	Nữ	Kinh	5.5	7	5.2	Trung bình
596	9/7	Nguyễn Minh Đạt	01/09/2004	Nam	Kinh	5.7	6.5	5.2	Khá
597	9/7	Nguyễn Minh Hằng	12/06/2005	Nữ	Kinh	9.2	9.2	9.9	Giỏi
598	9/7	Nguyễn Ngọc Nam	18/06/2005	Nam	Kinh	6.6	8.5	4.8	Khá
599	9/7	Nguyễn Ngọc Tường Vy	08/10/2005	Nữ	Kinh	8.6	8.8	8.4	Giỏi
600	9/7	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	08/10/2005	Nữ	Kinh	8	8.7	7.9	Giỏi
601	9/7	Nguyễn Thảo Ngân	02/12/2005	Nữ	Kinh	8	8.8	9.3	Giỏi
602	9/7	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	19/05/2005	Nữ	Kinh	8.2	9	8.5	Giỏi
603	9/7	Nguyễn Thị Yến Ngọc	07/07/2005	Nữ	Kinh	9	8.6	9.2	Giỏi
604	9/7	Nguyễn Tuấn Kiệt	27/05/2005	Nam	Kinh	7.1	7.5	5.6	Khá
605	9/7	Nguyễn Tuấn Thi	20/04/2005	Nam	Kinh	5.4	6.1	4.4	Trung bình
606	9/7	Nguyễn Văn Kiệt	20/05/2005	Nam	Kinh	7.5	8.3	7.1	Giỏi
607	9/7	Phạm Văn Khải	05/01/2005	Nam	Kinh	5.8	7.9	4.7	Trung bình
608	9/7	Trần Đăng Khoa	22/05/2005	Nam	Kinh	5.4	7.3	4.2	Trung bình
609	9/7	Trần Hải My	11/07/2005	Nữ	Kinh	7	8.2	7.4	Khá
610	9/7	Trần Hoàng Duy	04/04/2005	Nam	Kinh	6.5	8.1	9.1	Giỏi
611	9/7	Trần Huỳnh Quốc Thái	19/08/2005	Nam	Kinh	7.3	8.4	8.1	Giỏi
612	9/7	Trần Lê Tú Anh	24/05/2005	Nữ	Kinh	8.6	8.8	8.1	Giỏi
613	9/7	Trần Nguyễn Đức Trung	21/01/2005	Nam	Kinh	6.9	8.3	7.3	Giỏi
614	9/7	Trần Trọng Nghĩa	22/12/2005	Nam	Kinh	7.6	9	9	Giỏi
615	9/7	Trần Xuân Lộc	30/07/2005	Nam	Kinh	7	8.7	8.7	Giỏi
616	9/7	Trần Xuân Nghi	18/01/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.9	8.8	Giỏi
617	9/7	Trịnh Quốc Bảo	02/12/2005	Nam	Kinh	6.2	6.9	5.9	Khá
618	9/7	Trương Chánh Đạt	22/01/2005	Nam	Kinh	7.7	9	9.2	Giỏi
619	9/7	Võ Hoàng Khánh Duyên	26/09/2005	Nữ	Kinh	7.4	9.1	8.7	Giỏi
620	9/7	Võ Nguyễn Anh Thu	15/11/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.5	6.5	Giỏi
621	9/7	Vũ Hà Khánh Linh	11/03/2005	Nữ	Kinh	6.9	7.1	5.4	Khá
622	9/7	Vương Ngọc Bảo Quỳnh	19/09/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.6	7.2	Giỏi
623	9/8	Hồ Hữu Thịnh	21/07/2005	Nam	Kinh	8	8.8	9.5	Giỏi
624	9/8	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	06/09/2005	Nam	Kinh	6.2	7.9	7.1	Khá
625	9/8	Hoàng Tuấn Long	01/01/2005	Nam	Kinh	7.3	8.1	6.9	Khá
626	9/8	Kim Hoàng Anh	28/11/2005	Nam	Kho-me	6.2	5.5	5.1	Trung bình
627	9/8	Lâm Tuyết Nhung	26/10/2005	Nữ	Kinh	6.4	4.9	4.1	Trung bình
628	9/8	Lê Minh Hưng	10/02/2005	Nam	Kinh	6.5	8.3	7.3	Giỏi
629	9/8	Lê Thanh Tú	21/01/2005	Nam	Kinh	7	8.5	8.7	Giỏi
630	9/8	Lê Trung Hiếu	15/08/2005	Nam	Kinh	5.8	7.1	4.7	Trung bình
631	9/8	Ngô Dương Hạnh Minh	18/10/2005	Nữ	Kinh	8.6	8.4	9.8	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
632	9/8	Ngô Mạnh	11/04/2005	Nam	Kinh	7.1	8	6.9	Giỏi
633	9/8	Ngô Thị Kim Ngân	15/04/2005	Nữ	Kinh	6.6	8.1	6.9	Giỏi
634	9/8	Nguy Tuấn Kiệt	23/06/2005	Nam	Kinh	5.9	8.2	8.6	Khá
635	9/8	Nguyễn Anh Thư	25/03/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.8	9.5	Giỏi
636	9/8	Nguyễn Cao Huân	06/09/2005	Nam	Kinh	8.3	9.3	8.9	Giỏi
637	9/8	Nguyễn Đặng Phương Uyên	26/12/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.1	7.3	Khá
638	9/8	Nguyễn Đình Minh Khang	17/02/2005	Nam	Kinh	7.3	8.6	8.3	Giỏi
639	9/8	Nguyễn Duy Phát	07/01/2005	Nam	Kinh	6.7	8.4	8.4	Khá
640	9/8	Nguyễn Hà Khánh Duy	24/08/2005	Nam	Kinh	8.4	9.1	8.8	Giỏi
641	9/8	Nguyễn Hoàng Vỹ	11/04/2005	Nữ	Kinh	7.7	9.1	8.2	Giỏi
642	9/8	Nguyễn Khánh Ly	02/06/2005	Nữ	Kinh	5.7	8.1	7.3	Khá
643	9/8	Nguyễn Mai Nhật Phương	21/05/2005	Nam	Kinh	4.8	8	4.5	Trung bình
644	9/8	Nguyễn Minh Quân	13/08/2005	Nam	Kinh	6.7	8	7.8	Khá
645	9/8	Nguyễn Ngọc Trâm	21/12/2005	Nữ	Kinh	7.8	9	9.5	Giỏi
646	9/8	Nguyễn Nhật Phương Uyên	24/07/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.5	7.3	Giỏi
647	9/8	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	17/12/2005	Nữ	Kinh	7	8.6	7.7	Giỏi
648	9/8	Nguyễn Phương Anh	22/11/2005	Nữ	Kinh	6.4	7.7	5.2	Khá
649	9/8	Nguyễn Phương Uyên Nghi	12/10/2005	Nữ	Kinh	7.8	9.3	8.4	Giỏi
650	9/8	Nguyễn Tấn Thành	18/04/2004	Nam	Kinh	5.4	4.9	4.3	Trung bình
651	9/8	Nguyễn Thị Minh Thư	29/03/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.4	6.4	Khá
652	9/8	Nguyễn Vũ Hưng	14/03/2005	Nam	Kinh	5.4	6.6	5.9	Khá
653	9/8	Nguyễn Xuân Thụy	21/12/2005	Nữ	Kinh	5.5	7.4	5.2	Khá
654	9/8	Phạm Hải Đăng	16/05/2005	Nam	Kinh	8.6	8.7	9.1	Giỏi
655	9/8	Phạm Nguyễn Hồng Phát	13/10/2005	Nam	Kinh	8	9.1	7.6	Giỏi
656	9/8	Phạm Thị Thanh Tâm	14/06/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.6	8.6	Giỏi
657	9/8	Tôn Nữ Như Ngọc	08/08/2005	Nữ	Kinh	9	8.8	9.1	Giỏi
658	9/8	Tổng Minh Phúc	15/11/2005	Nam	Kinh	7	8	7.7	Khá
659	9/8	Trần Anh Nhân	04/04/2005	Nam	Kinh	6.5	8.1	7	Khá
660	9/8	Trần Gia Linh	24/06/2005	Nữ	Kinh	6.8	8.3	6.6	Khá
661	9/8	Trần Hoàng Vy	27/07/2005	Nữ	Kinh	8.3	9.1	8.6	Giỏi
662	9/8	Trần Thị Thảo My	13/11/2005	Nữ	Kinh	7.1	6.6	5.8	Trung bình
663	9/8	Trần Văn Tín	20/12/2005	Nam	Kinh	5.9	7.6	5.2	Khá
664	9/8	Trần Xuân Nhi	29/11/2005	Nữ	Kinh	7.8	8.8	9.2	Giỏi
665	9/8	Trịnh Thu Ngân	09/05/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.7	8.4	Giỏi
666	9/8	Trịnh Vũ Thúy Hằng	10/03/2005	Nữ	Kinh	8.4	9.3	9.4	Giỏi
667	9/8	Võ Nguyễn Hoàng Kha	22/12/2004	Nam	Kinh	7.6	7.6	5	Khá
668	9/8	Võ Xuân Cường	03/07/2005	Nam	Kinh	5.7	8	8.6	Khá
669	9/8	Vũ Minh Mẫn	14/03/2005	Nam	Kinh	5	7.7	5	Trung bình
670	9/8	Vũ Quang Dự	06/06/2005	Nam	Kinh	6.4	8.3	5.9	Khá
671	9/8	Vũ Trọng Hiếu Nghĩa	25/02/2005	Nam	Kinh	7.4	8.2	6.9	Khá
672	9/8	Yang Yuan Ying	02/06/2005	Nữ	Hoa	8	8.8	8.1	Giỏi
673	9/9	Ấu Nguyễn Hồng Nguyên	22/02/2005	Nữ	Kinh	5.8	8.2	7	Khá
674	9/9	Bùi Ngô Quang Lý	28/01/2005	Nam	Kinh	8.5	9.2	9.2	Giỏi
675	9/9	Bùi Thành An	20/12/2005	Nam	Kinh	5.8	7.7	5.4	Khá
676	9/9	Chu Ngọc Bảo Trân	11/09/2005	Nữ	Kinh	6.8	9	7.5	Giỏi
677	9/9	Đặng Trường Giang	12/09/2005	Nam	Kinh	6.1	8	6.4	Khá
678	9/9	Đỗ Nguyễn Hoàng Mỹ	08/04/2005	Nữ	Kinh	7.4	9	8.3	Giỏi
679	9/9	Dương Anh Thư	18/10/2005	Nữ	Kinh	8	8.4	6.6	Giỏi
680	9/9	Hà Thị Minh Trâm	25/09/2005	Nữ	Kinh	6.7	8.4	7.4	Giỏi
681	9/9	Hồ Thanh Hà	21/03/2005	Nữ	Kinh	6.9	8.4	7.4	Khá
682	9/9	Hoàng Hương Ly	12/12/2005	Nữ	Kinh	7	8	5	Khá
683	9/9	Hoàng Khôi Nguyên	14/10/2005	Nam	Kinh	6.5	8.2	7.6	Giỏi
684	9/9	Hoàng Kim Phú	28/03/2005	Nam	Kinh	5.8	7.7	5.4	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
685	9/9	Hoàng Như Ý	13/11/2005	Nữ	Kinh	6	8.1	5.4	Khá
686	9/9	Hoàng Phan Bảo Hân	26/08/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.9	9	Giỏi
687	9/9	Lê Hoàng Bảo	12/06/2005	Nam	Kinh	5.2	7.8	6	Khá
688	9/9	Lê Hoàng Thiên Kim	10/11/2005	Nữ	Kinh	6.2	7.7	5.8	Khá
689	9/9	Lê Nông Việt Hằng	13/07/2005	Nữ	Kinh	7	8.3	7	Giỏi
690	9/9	Lê Thị Thục Quyên	07/09/2005	Nữ	Kinh	8.1	9	8.5	Giỏi
691	9/9	Lưu Hữu Lâm	19/11/2005	Nam	Kinh	6	8.3	5	Khá
692	9/9	Ngô Chí Dũng	13/03/2005	Nam	Kinh	5.6	7.5	6.3	Khá
693	9/9	Ngô Minh Nhật	24/04/2005	Nam	Kinh	5.7	7.7	5.7	Khá
694	9/9	Nguyễn Đăng Khiêm	15/11/2005	Nam	Kinh	7.1	8.9	7.9	Giỏi
695	9/9	Nguyễn Đăng Tuyết Hân	13/05/2005	Nữ	Kinh	8	8.7	9.2	Giỏi
696	9/9	Nguyễn Đào Khánh Nguyên	05/07/2005	Nam	Kinh	5.9	6.4	5.9	Trung bình
697	9/9	Nguyễn Đoàn Cát Tường	25/10/2005	Nữ	Kinh	7.7	8	7.4	Giỏi
698	9/9	Nguyễn Hoài Thương	24/09/2005	Nữ	Kinh	6.2	7.4	6.5	Khá
699	9/9	Nguyễn Huy Hoàng	20/05/2005	Nam	Kinh	7	8.8	7.1	Giỏi
700	9/9	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	05/09/2005	Nữ	Kinh	7.3	8	7.9	Giỏi
701	9/9	Nguyễn Thành Luân	28/09/2005	Nam	Kinh	5.4	8.5	7.3	Khá
702	9/9	Nguyễn Thu Uyên	15/08/2005	Nữ	Kinh	8.1	8.6	7.8	Giỏi
703	9/9	Nguyễn Thủy Anh	08/09/2005	Nữ	Kinh	7	8.5	7.1	Giỏi
704	9/9	Nguyễn Trần Bảo Trân	12/07/2005	Nữ	Kinh	5.9	9.1	7.5	Khá
705	9/9	Nguyễn Trinh Quang Thắng	09/11/2005	Nam	Kinh	5.2	6.5	6.1	Trung bình
706	9/9	Phạm Minh Mẫn	22/06/2005	Nam	Kinh	4.5	5	4.2	Trung bình
707	9/9	Phạm Minh Tuấn	27/03/2005	Nam	Kinh	6.5	8.1	7.3	Giỏi
708	9/9	Phạm Phương Nam	06/07/2005	Nam	Kinh	7.3	8.9	8.2	Giỏi
709	9/9	Phạm Tường Vĩ	11/01/2005	Nam	Kinh	6.7	8.7	7.3	Giỏi
710	9/9	Phan Thiên Phú	22/05/2005	Nam	Kinh	6.6	8.1	5.8	Khá
711	9/9	Tào Ngọc Bảo Châu	11/05/2005	Nữ	Kinh	7	8	7.8	Giỏi
712	9/9	Trần Đỗ Kim Ngân	02/10/2005	Nữ	Kinh	7.1	8.1	7.5	Giỏi
713	9/9	Trần Hồ Ngọc Tâm	05/09/2005	Nam	Kinh	5.5	7.1	5.5	Khá
714	9/9	Trần Hoàng Long	10/09/2005	Nam	Kinh	6.7	8.5	7.2	Giỏi
715	9/9	Trần Huỳnh Uyên Phương	09/01/2005	Nữ	Kinh	6.5	8	7	Giỏi
716	9/9	Trần Minh Nhật	10/08/2005	Nam	Kinh	6.6	8.8	7.2	Giỏi
717	9/9	Trần Nguyễn Đức Anh	07/09/2005	Nam	Kinh	6.5	8.6	7.8	Giỏi
718	9/9	Trần Nguyễn Nhật Anh	07/09/2005	Nam	Kinh	6.6	8.7	7.6	Giỏi
719	9/9	Trần Quỳnh Như	15/03/2005	Nữ	Kinh	7.6	8.7	7.3	Giỏi
720	9/9	Trương Thụy Phương Uyên	17/03/2005	Nữ	Kinh	6.5	8.1	7	Giỏi
721	9/9	Vũ Thành Tâm	02/11/2005	Nam	Kinh	6.3	8.5	6.6	Khá

Tổng cộng danh sách có: 721 học sinh tốt nghiệp THCS.

HIỆU TRƯỞNG

VŨ THỊ THƠ

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP THCS
NĂM HỌC: 2018-2019

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
1	9/1	Bùi Anh Duy	24/06/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	9.5	Giỏi
2	9/1	Đỗ Nguyễn Mỹ Anh	22/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.3	9.5	Giỏi
3	9/1	Đoàn Nam Trung	17/02/2004	Nam	Kinh	7.6	9.3	9.2	Giỏi
4	9/1	Dương Gia Lâm	12/03/2004	Nam	Kinh	7.2	8.2	8.6	Giỏi
5	9/1	Hà Lê Minh Trí	25/07/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	9.7	Giỏi
6	9/1	Hồ Nguyễn Tiên Thành	06/08/2004	Nam	Kinh	6.9	8.6	8.9	Giỏi
7	9/1	Huỳnh Hồng Thiên Trang	25/01/2004	Nữ	Kinh	7.8	9.1	9.2	Giỏi
8	9/1	Lâm Diệu Thư	22/06/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	8.7	Giỏi
9	9/1	Lê Bích Loan	21/11/2004	Nữ	Kinh	6.5	9.2	8.6	Giỏi
10	9/1	Lê Nguyễn Quỳnh Phi	29/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.4	9.2	Giỏi
11	9/1	Mai Dương Thảo Nguyên	20/03/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.9	9.5	Giỏi
12	9/1	Nguyễn Bùi Minh Phương	17/08/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.3	9.5	Giỏi
13	9/1	Nguyễn Công Hiến	22/09/2004	Nam	Kinh	6.5	8	7.6	Giỏi
14	9/1	Nguyễn Đặng Kiên	17/07/2004	Nam	Kinh	6.5	9	8.8	Giỏi
15	9/1	Nguyễn Diệp Minh An	07/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	9.6	9	Giỏi
16	9/1	Nguyễn Dương Tấn Đạt	24/09/2004	Nam	Kinh	6.9	7.7	7.4	Giỏi
17	9/1	Nguyễn Hà Hải Hậu	15/01/2004	Nam	Kinh	6.6	8.9	8.3	Giỏi
18	9/1	Nguyễn Hà Hải Yên	15/01/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.1	8.9	Giỏi
19	9/1	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	02/09/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.6	7.9	Giỏi
20	9/1	Nguyễn Hoàng Quốc	04/05/2004	Nam	Kinh	6.6	8.3	7.8	Giỏi
21	9/1	Nguyễn Ngọc Cẩm Thụy	08/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.3	9.5	Giỏi
22	9/1	Nguyễn Ngọc Huyền Nhi	11/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.3	9	Giỏi
23	9/1	Nguyễn Thái Khôi Nguyên	20/08/2004	Nam	Kinh	7.1	8.6	8.6	Giỏi
24	9/1	Nguyễn Thế Minh Khôi	01/11/2004	Nam	Kinh	6.5	8.6	8.2	Giỏi
25	9/1	Nguyễn Trà My	08/01/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.5	9.7	Giỏi
26	9/1	Nguyễn Việt Hoàng	09/11/2004	Nam	Kinh	7.1	9.4	9.3	Giỏi
27	9/1	Phạm Cẩm Bình	28/05/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.9	9.1	Giỏi
28	9/1	Phạm Ngọc Thư	27/08/2004	Nữ	Kinh	8.2	9	9	Giỏi
29	9/1	Phạm Trần Quốc Huy	04/12/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	9.3	Giỏi
30	9/1	Phạm Vũ Hải Châu	11/06/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	9.2	Giỏi
31	9/1	Phạm Vũ Hoàng	27/06/2004	Nam	Kinh	6.6	8.2	8.6	Giỏi
32	9/1	Thái Vương Gia Khánh	27/10/2004	Nam	Kinh	6.9	9.6	9.4	Giỏi
33	9/1	Trần Đức Cường	28/04/2004	Nam	Kinh	6.6	8.5	8.7	Giỏi
34	9/1	Trần Hoàng Bửu Ngọc	15/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	9.4	Giỏi
35	9/1	Trần Khôi	12/10/2004	Nam	Kinh	6.7	8.9	9.7	Giỏi
36	9/1	Trần Nguyễn Thảo Nhi	16/01/2004	Nữ	Kinh	8	8.8	9.2	Giỏi
37	9/1	Trần Thái Huy	20/07/2004	Nam	Kinh	7.8	9.8	9.6	Giỏi
38	9/1	Trần Thị Tường Vy	20/10/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.1	8.2	Giỏi
39	9/1	Trịnh Thị Hồng Trâm	13/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.4	7.8	Giỏi
40	9/1	Vũ Huyền Châu	08/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.6	8.6	Giỏi
41	9/10	Cao Hải Nguyên	28/09/2004	Nam	Kinh	7.5	8.4	8.1	Giỏi
42	9/10	Đặng Thanh Ngân	26/09/2004	Nữ	Kinh	7.6	9.5	8.5	Giỏi
43	9/10	Đặng Thị Hoài Phương	20/02/2004	Nữ	Kinh	7	8.8	7.2	Giỏi
44	9/10	Đặng Trọng Tín	11/04/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	6.4	Khá
45	9/10	Đào Lê Nam	12/01/2004	Nam	Kinh	6.2	7.7	6.2	Khá
46	9/10	Diệp Ngọc Thảo	28/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	5.8	Khá
47	9/10	Đỗ Hoàng Trúc Lâm	11/01/2004	Nam	Kinh	6.1	8.1	7	Khá
48	9/10	Đỗ Nghi Bình	24/02/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.8	8.8	Giỏi
49	9/10	Đỗ Thị Thùy Anh	23/08/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.7	7.2	Khá
50	9/10	Đỗ Trọng Tuyền	06/02/2004	Nam	Kinh	6.6	9.1	7.1	Giỏi
51	9/10	Hồ Nguyễn Gia Hân	30/10/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.7	6.9	Giỏi
52	9/10	Hoàng Quang Giáp	06/05/2004	Nam	Kinh	6.5	8	7.1	Khá
53	9/10	Hoàng Vân Nhi	24/02/2004	Nữ	Kinh	8	9.4	8	Giỏi
54	9/10	Lê Anh Bằng	30/06/2004	Nam	Kinh	6.5	9	6	Khá
55	9/10	Lê Hoàng Phong	14/06/2004	Nam	Kinh	7.2	9.1	7.2	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
56	9/10	Lý Nhật Minh	10/03/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	8	Giỏi
57	9/10	Ngô Huỳnh Thắng	02/08/2004	Nam	Kinh	6.5	7.8	6.3	Khá
58	9/10	Nguyễn An Thi	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.5	7.4	Giỏi
59	9/10	Nguyễn Đình Tuệ	01/06/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.8	7.1	Khá
60	9/10	Nguyễn Gia Huy	12/11/2004	Nam	Kinh	7.9	9.8	8.7	Giỏi
61	9/10	Nguyễn Hoàng Diễm Quyên	08/02/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.9	6.5	Khá
62	9/10	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	04/09/2004	Nam	Kinh	7.3	8.7	6.6	Giỏi
63	9/10	Nguyễn Hữu Thuận	18/10/2004	Nam	Kinh	7	8.4	7.6	Giỏi
64	9/10	Nguyễn Minh Quân	25/08/2004	Nam	Kinh	7.2	8.9	7.1	Giỏi
65	9/10	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	12/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.3	9	Giỏi
66	9/10	Nguyễn Ngọc Thiện	23/10/2004	Nam	Kinh	6.5	8.5	4.7	Khá
67	9/10	Nguyễn Phan Tiểu My	19/12/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.8	7.9	Khá
68	9/10	Nguyễn Phúc An	27/06/2004	Nam	Kinh	8.4	9.7	9.1	Giỏi
69	9/10	Nguyễn Thị Hà An	09/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.2	8.8	Giỏi
70	9/10	Nguyễn Thị Minh Vương	09/08/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.8	6.2	Khá
71	9/10	Nguyễn Thúy Anh	04/10/2004	Nữ	Kinh	7.7	9	8.1	Giỏi
72	9/10	Phạm Hương Thảo	17/08/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	8.3	Giỏi
73	9/10	Phạm Huỳnh Anh Thư	08/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8	6.4	Khá
74	9/10	Phạm Phương Anh	04/04/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.1	8.2	Giỏi
75	9/10	Phạm Quốc Khánh	31/03/2004	Nam	Kinh	6.9	8.2	7.8	Giỏi
76	9/10	Phạm Thị Lan Trinh	18/02/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.3	9.1	Giỏi
77	9/10	Phạm Trần Mai Mỹ Uyên	11/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	8.2	Giỏi
78	9/10	Thái Thị Bích Tuyền	23/10/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	7.5	Giỏi
79	9/10	Thân Chí Khải	11/09/2004	Nam	Kinh	7.4	8.6	7.4	Giỏi
80	9/10	Tô Nguyễn Minh An	17/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	6.5	Giỏi
81	9/10	Trần Khánh Duyên	30/01/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.1	5.9	Khá
82	9/10	Trần Ngọc Vân Khanh	18/03/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.6	7.1	Giỏi
83	9/10	Trần Nguyễn Ngọc Trang	22/11/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.1	5.3	Khá
84	9/10	Trần Thiện Anh Thư	27/10/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.1	6.7	Giỏi
85	9/10	Trương Ngọc Thy Phương	28/05/2004	Nữ	Kinh	8.6	9	8.2	Giỏi
86	9/10	Võ Phương Quỳnh	27/03/2004	Nữ	Kinh	6	6.1	5.3	Trung bình
87	9/10	Vũ Phi Nghi	07/12/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.7	7.4	Giỏi
88	9/10	Vương Minh Thùy	22/12/2004	Nữ	Hoa	8.3	9.4	9.3	Giỏi
89	9/11	Đình Thiên Luân	22/09/2004	Nam	Kinh	5	5	3.9	Trung bình
90	9/11	Đình Văn Lộc	08/07/2004	Nam	Kinh	6.3	5.6	5.3	Trung bình
91	9/11	Đồng Tấn Phát	16/02/2004	Nam	Kinh	5.7	6.7	5.1	Khá
92	9/11	Dương Nguyễn Khoa Đăng	20/11/2004	Nam	Kinh	5.5	7.8	8.3	Khá
93	9/11	Hoàng Trung Sơn	27/12/2004	Nam	Kinh	4.2	5.1	3.6	Trung bình
94	9/11	Hoàng Việt Đức	13/08/2004	Nam	Kinh	4.5	5.3	4.7	Trung bình
95	9/11	Huỳnh Gia Hân	11/04/2004	Nữ	Kinh	7.2	7	7.9	Khá
96	9/11	Huỳnh Thanh Thảo Nguyên	01/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	7.8	5.5	Khá
97	9/11	Huỳnh Thị Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	Kinh	6.2	5.9	6.6	Trung bình
98	9/11	Lâm Thiên Nhã	09/03/2004	Nữ	Kinh	6.2	6.7	6.5	Khá
99	9/11	Lê Ân Thiên Linh	27/10/2004	Nữ	Kinh	7.7	9	8.4	Giỏi
100	9/11	Lê Mã Thảo Nguyên	09/11/2004	Nữ	Kinh	7.8	8	5.8	Khá
101	9/11	Mai Ngọc Phan Nhi	27/09/2004	Nữ	Kinh	8	9.3	8.3	Giỏi
102	9/11	Nguyễn Duy Ngọc	27/02/2004	Nam	Kinh	6.7	8.2	7.4	Giỏi
103	9/11	Nguyễn Gia Khiêm	19/06/2004	Nam	Kinh	5.9	6.1	4.1	Trung bình
104	9/11	Nguyễn Hồ Minh Anh	28/05/2004	Nữ	Kinh	8.7	8.3	8.8	Giỏi
105	9/11	Nguyễn Học Thiên	03/03/2004	Nam	Kinh	5.3	5.8	6.4	Trung bình
106	9/11	Nguyễn Hồng Ngọc	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.4	6.1	Khá
107	9/11	Nguyễn Lê Tường Vân	27/07/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.9	6.7	Giỏi
108	9/11	Nguyễn Mạnh Hùng	20/07/2004	Nam	Kinh	5.6	8	7.4	Khá
109	9/11	Nguyễn Minh Đức	03/08/2003	Nam	Kinh	6.4	7.6	6.4	Khá
110	9/11	Nguyễn Phương Thi	07/03/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.2	6.8	Giỏi
111	9/11	Nguyễn Quang Hiếu	19/02/2004	Nam	Kinh	6.5	8	5.3	Khá
112	9/11	Nguyễn Quỳnh Như	30/03/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.8	7.1	Giỏi
113	9/11	Nguyễn Thanh Vy	24/05/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.3	7.5	Khá
114	9/11	Nguyễn Trần Tú Anh	18/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	8	7.1	Giỏi
115	9/11	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/2004	Nam	Kinh	5.5	6.4	5	Trung bình
116	9/11	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/11/2004	Nam	Kinh	6.9	7.4	6.4	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
117	9/11	Nguyễn Tường Vy	29/06/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.1	8.5	Giỏi
118	9/11	Nguyễn Văn An Nguyễn	05/02/2004	Nam	Kinh	6.3	7.2	6.1	Khá
119	9/11	Nguyễn Vũ Minh Tâm	12/04/2004	Nữ	Kinh	7	8.5	8.2	Giỏi
120	9/11	Phạm Hoàng Khánh Linh	05/08/2004	Nữ	Kinh	5.6	6.7	5.2	Trung bình
121	9/11	Phạm Huy Hoàng	14/08/2004	Nam	Kinh	6.4	8	7	Khá
122	9/11	Phạm Minh Thư	29/09/2004	Nữ	Kinh	6	8	7.3	Khá
123	9/11	Phạm Nguyễn Gia Bảo	07/03/2004	Nam	Kinh	5.4	6.7	6.2	Khá
124	9/11	Trần Gia Bảo	31/05/2004	Nam	Kinh	5.8	6.3	6.3	Trung bình
125	9/11	Trần Nhật Huy	19/08/2004	Nam	Kinh	6	7.1	6.1	Khá
126	9/11	Trần Nhật Thy	06/07/2004	Nam	Kinh	5.4	7.2	4.9	Trung bình
127	9/11	Vũ Nguyễn Quốc Khánh	01/09/2004	Nam	Kinh	5	6	4.9	Trung bình
128	9/11	Vũ Thị Thanh Hằng	25/11/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	8.3	Giỏi
129	9/12	Bùi Lê Đức Hiếu	11/11/2004	Nam	Kinh	6.5	8.6	6.7	Khá
130	9/12	Bùi Lê Đức Huy	11/11/2004	Nam	Kinh	6	9	8	Khá
131	9/12	Bùi Ngọc Mỹ Duyên	30/09/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.9	5.8	Khá
132	9/12	Chương Hoàng Thùy An	02/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.1	7.7	Khá
133	9/12	Đỗ Minh Duy	07/05/2004	Nam	Kinh	7.5	8.7	7.6	Giỏi
134	9/12	Đỗ Ngọc Tường Vy	13/08/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	7	Giỏi
135	9/12	Hồ Ngọc Hiếu	25/10/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.7	5.9	Khá
136	9/12	Hoàng Minh Huy	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.5	8.5	Giỏi
137	9/12	Hoàng Minh Nguyệt	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	8.8	Giỏi
138	9/12	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.2	7	Giỏi
139	9/12	Lê Hoàng Lan Anh	01/06/2004	Nữ	Kinh	7	7.6	5.6	Khá
140	9/12	Lê Minh Hiếu	29/09/2004	Nam	Kinh	7.2	8.6	7.6	Giỏi
141	9/12	Lê Nguyễn Phương Uyên	29/01/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.8	6.9	Giỏi
142	9/12	Lê Quỳnh Tuệ Như	10/02/2004	Nữ	Kinh	7.2	9.4	8.5	Giỏi
143	9/12	Lê Vũ Hoàng Thiên	10/07/2004	Nam	Kinh	5.5	6.5	4.8	Trung bình
144	9/12	Lý Thị Thủy Linh	14/10/2004	Nữ	Kinh	5.5	7	5	Khá
145	9/12	Nguyễn Anh Tuấn	14/01/2004	Nam	Kinh	4.6	8	4.9	Trung bình
146	9/12	Nguyễn Đình Nam	08/09/2004	Nam	Kinh	7.1	9.3	9.7	Giỏi
147	9/12	Nguyễn Hoàng Bảo Duy	20/08/2004	Nam	Kinh	5.8	7.1	5.7	Khá
148	9/12	Nguyễn Hoàng Gia Hân	31/07/2004	Nữ	Kinh	7	8.9	8.1	Giỏi
149	9/12	Nguyễn Hồng Phúc	01/03/2002	Nam	Kinh	7.2	8.1	7.9	Giỏi
150	9/12	Nguyễn Lam Đình	14/06/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.2	6.8	Khá
151	9/12	Nguyễn Ngọc Minh Châu	12/01/2004	Nữ	Kinh	5	5.1	5	Trung bình
152	9/12	Nguyễn Thành Tài	04/12/2004	Nam	Kinh	6.1	7.1	6.2	Khá
153	9/12	Nguyễn Thị Ngọc An	15/04/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.8	6.2	Khá
154	9/12	Nguyễn Thiên Thanh	11/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.5	Khá
155	9/12	Nguyễn Trọng Tâm	07/04/2004	Nam	Kinh	6.4	6.6	7.1	Khá
156	9/12	Nguyễn Tuấn Anh	03/01/2004	Nam	Kinh	6.7	7.7	6.1	Khá
157	9/12	Nguyễn Uyên Đình	14/06/2004	Nữ	Kinh	6	7.7	5.3	Khá
158	9/12	Nguyễn Vũ Ngọc Ân	10/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.1	6	Khá
159	9/12	Nguyễn Vũ Xuân Mai	16/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.6	7.3	Giỏi
160	9/12	Phạm Gia Kiệt	29/06/2004	Nam	Kinh	5.9	8	5.4	Khá
161	9/12	Phạm Hoàng Ngọc Linh	26/07/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.7	8.8	Giỏi
162	9/12	Quách Gia Bảo	12/05/2004	Nam	Mường	6.2	7.7	4.9	Trung bình
163	9/12	Trần Đình Giàu	20/09/2004	Nam	Kinh	7.5	9	8.6	Giỏi
164	9/12	Trần Quang Long	15/03/2004	Nam	Kinh	5.4	7.3	6.7	Khá
165	9/12	Trịnh Khã Vân	05/05/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.5	4.8	Trung bình
166	9/12	Trương Tấn Sang	15/10/2004	Nam	Kinh	5.9	7.3	6.8	Khá
167	9/12	Trương Thanh Ngân	03/11/2004	Nữ	Kinh	5.9	8	6.1	Khá
168	9/12	Võ Thị Thùy Linh	06/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.7	5.1	Khá
169	9/12	Vương Đức Quỳnh Phương	09/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6.7	Khá
170	9/13	Chu Ngọc Linh	22/01/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	6.5	Giỏi
171	9/13	Đặng Hồ Trúc Anh	23/03/2003	Nữ	Kinh	6.4	8.4	4.5	Trung bình
172	9/13	Đào Thế Hiển	06/05/2004	Nam	Kinh	6.2	7.2	6	Khá
173	9/13	Đình Gia Mẫn	05/08/2004	Nữ	Kinh	5.9	7.7	7.6	Khá
174	9/13	Hoàng Thị Kim Quyên	21/04/2004	Nữ	Kinh	5.8	7.5	5.2	Khá
175	9/13	Lê Hoàng Bội Nhi	08/02/2004	Nữ	Kinh	6	7.6	5.3	Khá
176	9/13	Lê Như Minh Ngọc	22/10/2004	Nữ	Kinh	8.1	9	9.1	Giỏi
177	9/13	Ngô Kiến Hào	07/04/2004	Nam	Kinh	3.9	7.5	6.6	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
178	9/13	Nguyễn Gia Hân	21/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	8.1	Giỏi
179	9/13	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	07/10/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.7	7.9	Khá
180	9/13	Nguyễn Huy Phú	04/06/2004	Nam	Kinh	4.8	7	5.6	Trung bình
181	9/13	Nguyễn Ngọc Hoàng Thy	16/03/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	5	Khá
182	9/13	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/04/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.8	6.5	Giỏi
183	9/13	Nguyễn Ngọc Tường Vi	03/04/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	7.8	Giỏi
184	9/13	Nguyễn Quỳnh Như	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.2	6.7	5.4	Khá
185	9/13	Nguyễn Trần Gia Bảo	18/03/2004	Nam	Kinh	5.2	5.6	4.1	Trung bình
186	9/13	Nguyễn Trần Khánh Ngân	21/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.1	8.4	Giỏi
187	9/13	Nguyễn Vũ Bảo Trân	20/03/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.5	6.7	Khá
188	9/13	Phạm Đăng Sáng	27/01/2004	Nam	Kinh	5.6	7.6	5.8	Khá
189	9/13	Phạm Duy Hiếu	03/05/2004	Nam	Kinh	5.8	8	6.9	Khá
190	9/13	Phạm Hoàng Yến Nhi	10/03/2003	Nữ	Kinh	6.5	8.5	7	Giỏi
191	9/13	Phạm Quốc An	21/05/2004	Nam	Kinh	5.3	6.1	4.5	Trung bình
192	9/13	Phạm Thị Thu Thảo	07/01/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.3	4.6	Trung bình
193	9/13	Phạm Việt Lợi	18/11/2004	Nam	Kinh	4.1	6.2	5.4	Trung bình
194	9/13	Phạm Vũ Phương Thảo	07/04/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.3	7.3	Giỏi
195	9/13	Phan Đăng Quỳnh Như	15/11/2004	Nữ	Kinh	7.4	9.7	8.4	Giỏi
196	9/13	Thân Hoàng Đình Nguyên	05/10/2004	Nam	Kinh	4.8	7	4.2	Trung bình
197	9/13	Thân Nhật Minh	16/09/2004	Nam	Kinh	5.4	8.4	7.3	Khá
198	9/13	Trần Đình Đăng Khoa	20/07/2004	Nam	Kinh	6	7.1	7.2	Khá
199	9/13	Trần Hoàng Nhi	06/11/2004	Nữ	Kinh	5.4	6.9	5.3	Khá
200	9/13	Trần Khánh Linh	18/10/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.5	6.8	Giỏi
201	9/13	Trần Lê Thành	14/05/2004	Nam	Kinh	5.8	8.2	7.4	Khá
202	9/13	Trần Mỹ Duyên	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.4	7.1	Giỏi
203	9/13	Trần Ngọc Như Ý	08/03/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.3	7.4	Giỏi
204	9/13	Trần Ngọc Tường Vy	03/09/2004	Nữ	Kinh	6.9	5.8	8.1	Khá
205	9/13	Trần Quốc Huy	12/03/2002	Nam	Kinh	4.4	5.1	4.3	Trung bình
206	9/13	Trần Tấn Phát	05/09/2004	Nam	Kinh	5	7.3	4.3	Trung bình
207	9/13	Trần Thị Ngọc Linh	25/07/2003	Nữ	Kinh	5.2	5.7	4.2	Trung bình
208	9/13	Trần Thụy Tường Vân	22/03/2004	Nữ	Kinh	6.7	8	6.4	Khá
209	9/13	Trần Tiến Thành	06/07/2004	Nam	Kinh	5.9	7.7	5.2	Khá
210	9/13	Võ Nguyễn Thu Hương	21/05/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	5	Khá
211	9/13	Vũ Tấn Đức	28/06/2004	Nam	Kinh	6.8	8.3	7.4	Giỏi
212	9/14	Chu Kim Ngọc	13/08/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.4	6.1	Khá
213	9/14	Đặng Thị Bảo Ngọc	10/07/2004	Nữ	Kinh	6.2	4.7	5.7	Trung bình
214	9/14	Đặng Trần Uyên Nhi	08/11/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.6	5.2	Khá
215	9/14	Đào Huy Hoàng	14/07/2004	Nam	Kinh	5.3	6.3	5.1	Trung bình
216	9/14	Đình Quang Nhật	26/01/2004	Nam	Kinh	6.6	7.9	5.8	Khá
217	9/14	Đồng Thị Trúc Ân	21/05/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.5	4.1	Trung bình
218	9/14	Đồng Tuệ Nghi	12/07/2004	Nữ	Kinh	5.5	4.7	5	Trung bình
219	9/14	Dương Nguyễn Quốc Nhật	11/05/2004	Nam	Kinh	5.7	6.1	5.6	Trung bình
220	9/14	Hà Hữu Chính	25/01/2004	Nam	Kinh	7	8.2	5.6	Khá
221	9/14	Hoàng Gia Bảo	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.9	6.7	Giỏi
222	9/14	Huỳnh Ngọc Giang	14/07/2004	Nam	Kinh	6.2	7.3	7.3	Khá
223	9/14	Huỳnh Trọng Hiếu	24/04/2003	Nam	Kinh	5.8	5.9	4.5	Trung bình
224	9/14	Lê Nguyễn Duy Hoàng	27/04/2004	Nam	Kinh	6.9	8.6	7.2	Giỏi
225	9/14	Lê Thị Minh Thư	07/06/2004	Nữ	Kinh	5.1	4.4	3.8	Trung bình
226	9/14	Lê Vũ Gia Huân	08/06/2004	Nam	Kinh	7.3	8.6	7.4	Giỏi
227	9/14	Mai Ngọc Bảo Hân	04/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.7	5.5	Khá
228	9/14	Ngô Hoàng Phúc	02/05/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	6.5	Giỏi
229	9/14	Nguyễn Đình Huy	31/05/2004	Nam	Kinh	7.5	9.3	8.1	Giỏi
230	9/14	Nguyễn Đức Nguyên	20/12/2004	Nam	Kinh	7	8	8.5	Khá
231	9/14	Nguyễn Hưng Quốc	21/09/2004	Nam	Kinh	6.9	8	6	Khá
232	9/14	Nguyễn Kim Thư	19/01/2004	Nữ	Kinh	8	8.9	8.3	Giỏi
233	9/14	Nguyễn Lê Thanh Hằng	22/03/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	8.7	Giỏi
234	9/14	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	27/11/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.1	4.9	Trung bình
235	9/14	Nguyễn Ngọc Hiếu	01/07/2004	Nam	Kinh	7.7	8.9	8.1	Giỏi
236	9/14	Nguyễn Phạm Ngọc Vân	02/05/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.9	7.6	Giỏi
237	9/14	Nguyễn Thanh Nhã	15/04/2004	Nam	Kinh	6.1	6.4	4.2	Trung bình
238	9/14	Nguyễn Thảo Vy	26/08/2003	Nữ	Kinh	7.7	8	7.1	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
239	9/14	Nguyễn Trương Nhi Thảo	01/07/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.3	6.6	Giỏi
240	9/14	Phạm Chu Thụy	01/10/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.9	8.6	Giỏi
241	9/14	Phạm Hồng Thanh Trúc	25/09/2004	Nữ	Kinh	7	8.9	6.2	Khá
242	9/14	Phạm Minh Quốc Cường	20/03/2004	Nam	Kinh	5.7	7.2	5.2	Khá
243	9/14	Tăng Ngọc Bích Trâm	27/11/2004	Nữ	Hoa	6.6	7.2	6.8	Khá
244	9/14	Thái Bình Tân Xuân	20/12/2004	Nữ	Kinh	5.1	6.5	3.8	Trung bình
245	9/14	Tô Hoàng Khang	09/11/2004	Nam	Kinh	5	5.9	4.5	Trung bình
246	9/14	Trần Đỗ Tường Vy	21/06/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.9	5.6	Khá
247	9/14	Trần Phương Nghi	14/06/2004	Nữ	Hoa	7.1	8.5	7.9	Giỏi
248	9/14	Trần Phương Uyên	25/04/2004	Nữ	Kinh	6.6	7	8.3	Khá
249	9/14	Trần Thùy Trang	22/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	5	Khá
250	9/14	Trương Mỹ Ngọc	22/12/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	9.6	Giỏi
251	9/14	Võ Thành Đạt	31/08/2004	Nam	Kinh	5.9	6.5	6	Khá
252	9/14	Võ Thị Yến Linh	03/10/2004	Nữ	Kinh	7	7.3	5.4	Khá
253	9/14	Vũ Đỗ Quốc Khang	31/12/2004	Nam	Kinh	7.7	9.1	8.3	Giỏi
254	9/15	Bùi Ngọc Mỹ Trâm	20/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.2	7.2	Giỏi
255	9/15	Chu Quang Lê Huy	09/02/2004	Nam	Kinh	6.5	9.7	8.1	Khá
256	9/15	Đỗ Mai Phương	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.7	8.5	Giỏi
257	9/15	Đoàn Gia Bảo	18/08/2004	Nam	Kinh	5.2	5.7	4.5	Trung bình
258	9/15	Dương Đại Tôn	20/08/2004	Nam	Kinh	5.7	8.1	5.3	Khá
259	9/15	Hà Xuân Mai	05/11/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.7	8.7	Giỏi
260	9/15	Hồ Phúc Thịnh	04/03/2004	Nam	Kinh	5.1	6.8	5.4	Khá
261	9/15	Hứa Ngọc Quỳnh Như	09/01/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.2	6.6	Giỏi
262	9/15	Huỳnh Tấn Tới	11/09/2004	Nam	Kinh	5.8	7.2	5.4	Khá
263	9/15	Kiều Hà My	30/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.8	6.4	Khá
264	9/15	Lâm Mỹ Diên	04/04/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.4	6.5	Giỏi
265	9/15	Lâm Văn Đạt	01/11/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	6.8	Giỏi
266	9/15	Lê Ánh Như	19/08/2004	Nữ	Hoa	6.3	7.4	5.5	Khá
267	9/15	Lê Hoàng Thanh Trúc	04/03/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.8	8.2	Giỏi
268	9/15	Lữ Thị Xuân Thảo	19/02/2004	Nữ	Kinh	8.2	9	8.4	Giỏi
269	9/15	Nguyễn Đắc Nhân Tâm	02/03/2004	Nam	Kinh	5.4	6.7	5.4	Khá
270	9/15	Nguyễn Đăng Khôi	15/10/2003	Nam	Kinh	6.1	6.8	4.5	Trung bình
271	9/15	Nguyễn Đình Trung	09/05/2004	Nam	Kinh	6.7	7.8	5.3	Khá
272	9/15	Nguyễn Hoàng Yến	11/07/2004	Nữ	Kinh	6.3	8.6	7	Khá
273	9/15	Nguyễn Hồng Phát	14/11/2004	Nam	Kinh	6.5	7.8	6.8	Khá
274	9/15	Nguyễn Minh Quân	17/12/2004	Nam	Kinh	6.4	7.5	5.2	Khá
275	9/15	Nguyễn Ngô Tuyết Ngân	15/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.8	6.6	Khá
276	9/15	Nguyễn Ngọc Thùy	26/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	5.5	4.3	Trung bình
277	9/15	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	06/07/2004	Nữ	Kinh	6.9	9.2	8.2	Giỏi
278	9/15	Nguyễn Nhật An An	10/12/2004	Nữ	Kinh	5.6	7.1	4.4	Trung bình
279	9/15	Nguyễn Phạm Anh Đào	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.7	6.8	6	Khá
280	9/15	Nguyễn Quốc Đạt	24/06/2004	Nam	Kinh	5.9	7.4	5.7	Khá
281	9/15	Nguyễn Thị Thủy Tiên	13/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	9	7.2	Giỏi
282	9/15	Nguyễn Trường Minh Khoa	19/10/2004	Nam	Kinh	6.2	6.8	5.3	Khá
283	9/15	Nguyễn Văn Đạt	19/09/2003	Nam	Kinh	5.8	6.8	6.8	Khá
284	9/15	Nguyễn Vũ Thanh Thảo	09/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	7	4.4	Trung bình
285	9/15	Phạm Hồng Ánh Linh	06/02/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.4	8	Khá
286	9/15	Phạm Trung Hiếu	16/05/2004	Nam	Kinh	6.2	9.5	6.9	Khá
287	9/15	Phan Quốc Bảo	27/06/2004	Nam	Kinh	7.2	8.6	6	Khá
288	9/15	Tăng Vĩ Huy	26/11/2004	Nam	Hoa	5.3	6	4.7	Trung bình
289	9/15	Trần Gia Điền	03/04/2004	Nam	Kinh	6.7	7	7.8	Khá
290	9/15	Trần Lưu Khanh	26/08/2004	Nữ	Kinh	7.4	9.3	8.1	Giỏi
291	9/15	Trần Mai Quỳnh	07/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.3	6.4	Khá
292	9/15	Trương Nguyễn Toàn Thắng	30/04/2004	Nam	Kinh	6.6	8.3	6.8	Giỏi
293	9/15	Vũ Ngọc Mai Dung	16/07/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.4	9.1	Giỏi
294	9/15	Vũ Nhật Minh	06/02/2004	Nam	Kinh	7.2	8.7	7.8	Giỏi
295	9/15	Vũ Tuyết Ngọc	28/04/2004	Nữ	Kinh	6.3	7.3	5.5	Khá
296	9/2	Bùi Hồng Thanh Ngân	29/11/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.2	7.3	Giỏi
297	9/2	Chu Khánh Linh	27/08/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.5	7.1	Giỏi
298	9/2	Đặng Khải Vy	16/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.2	9.5	Giỏi
299	9/2	Đặng Ngọc Thịnh An	17/01/2004	Nam	Kinh	7.4	9.2	9.3	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
300	9/2	Đào Phương Thảo	24/11/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.3	Khá
301	9/2	Đinh Nguyễn Ngọc Châu	01/01/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.4	7.1	Khá
302	9/2	Đỗ Phạm Quang Vinh	25/10/2004	Nam	Kinh	4.8	5.6	6.1	Trung bình
303	9/2	Đỗ Phương Thảo Nguyên	05/05/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.6	8.5	Giỏi
304	9/2	Đỗ Yến Quỳnh	20/06/2004	Nữ	Kinh	7.4	6.5	5.7	Khá
305	9/2	Hồ Hữu Tiến	08/01/2004	Nam	Kinh	8.2	8.7	8	Giỏi
306	9/2	Lê Hoàng Như Thủy	09/10/2004	Nữ	Kinh	8.6	9.1	9.2	Giỏi
307	9/2	Lê Ngọc Minh Duy	28/08/2004	Nam	Kinh	7.9	8.4	7.1	Giỏi
308	9/2	Lê Nguyễn Anh Thư	08/02/2004	Nữ	Kinh	6.6	7.3	6.5	Khá
309	9/2	Lê Thị Bích Hà	15/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.4	5.5	Khá
310	9/2	Lê Thị Kim Ngân	26/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	8	7.6	Giỏi
311	9/2	Ngô Ngọc Linh	28/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.1	6.8	Khá
312	9/2	Ngô Thanh Hiền	02/11/2004	Nam	Kinh	5	6	5.2	Trung bình
313	9/2	Nguyễn Anh Quân	03/11/2004	Nam	Kinh	6.9	6.9	6.7	Khá
314	9/2	Nguyễn Bình Nguyên	25/09/2004	Nam	Kinh	7.4	9.1	7.2	Giỏi
315	9/2	Nguyễn Đình Khánh Duy	21/05/2004	Nam	Kinh	4.7	5	4.6	Trung bình
316	9/2	Nguyễn Hoàng Minh Thông	04/01/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.9	Giỏi
317	9/2	Nguyễn Hữu Thắng	29/01/2004	Nam	Kinh	6.4	6.2	5.8	Trung bình
318	9/2	Nguyễn Lê Nam Khánh	22/09/2004	Nam	Kinh	5.5	5	4.5	Trung bình
319	9/2	Nguyễn Mạnh Chính	12/10/2004	Nam	Kinh	7.1	7.1	6.5	Khá
320	9/2	Nguyễn Minh Triết	01/01/2004	Nam	Kinh	7.5	7.2	6.2	Khá
321	9/2	Nguyễn Ngọc Minh Hiếu	16/01/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.3	6.8	Khá
322	9/2	Nguyễn Ngọc Phương	06/05/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.3	7.1	Khá
323	9/2	Nguyễn Phan Nhật Tân	01/07/2004	Nam	Kinh	7.4	6.7	5.6	Khá
324	9/2	Nguyễn Phương Ngọc Hân	25/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.1	6.5	Khá
325	9/2	Nguyễn Quách Thanh Thảo	24/06/2004	Nữ	Kinh	5.3	6.1	4.9	Trung bình
326	9/2	Nguyễn Quỳnh Như	19/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.6	9.3	Giỏi
327	9/2	Nguyễn Thu Hương	26/09/2004	Nữ	Kinh	8	7.5	9.6	Giỏi
328	9/2	Nguyễn Trịnh Bảo Tín	18/10/2004	Nam	Kinh	7.4	7.7	6.9	Khá
329	9/2	Nguyễn Việt Anh Huy	29/10/2004	Nam	Kinh	7.9	8	7.7	Giỏi
330	9/2	Phạm Đăng Dương	18/11/2004	Nam	Kinh	6.5	6.4	8.1	Khá
331	9/2	Phạm Đỗ Tấn Lộc	04/01/2004	Nam	Kinh	5.9	5	5.1	Trung bình
332	9/2	Phan Huỳnh Cẩm Hiền	03/06/2004	Nữ	Kinh	7.1	6.5	5.9	Khá
333	9/2	Phan Huỳnh Ngân	23/09/2004	Nữ	Kinh	5.8	5.2	4	Trung bình
334	9/2	Tổng Thị Thanh Thảo	18/01/2004	Nữ	Kinh	6.3	5.1	4.4	Trung bình
335	9/2	Trần Đình Nhân	20/06/2004	Nam	Kinh	7.8	9.5	9.1	Giỏi
336	9/2	Trần Hải Nam	16/05/2004	Nam	Kinh	7.6	7.5	7.4	Khá
337	9/2	Trần Minh Tùng	19/03/2004	Nam	Kinh	7.2	7.8	9	Khá
338	9/2	Trần Ngọc Mai	23/01/2004	Nữ	Kinh	8.4	8.6	8.5	Giỏi
339	9/2	Trần Ngọc Thanh Tú	23/12/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	7.5	Khá
340	9/2	Trương Bình Minh	03/07/2004	Nam	Kinh	7.5	9.8	8.8	Giỏi
341	9/2	Trương Lê Duy Tân	11/05/2004	Nam	Kinh	6.2	7.7	7	Khá
342	9/3	Cao Nguyễn Tường Vy	12/11/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.5	7.1	Khá
343	9/3	Đặng Hà Quỳnh Như	30/06/2004	Nữ	Kinh	7.3	8	8	Giỏi
344	9/3	Đỗ Thanh Đại	07/07/2004	Nam	Kinh	5.5	7.1	6.6	Khá
345	9/3	Đoàn Văn Huy	01/10/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.7	Giỏi
346	9/3	Hồ Ngọc Bảo Long	06/11/2004	Nam	Kinh	6.2	7.8	7.4	Khá
347	9/3	Hồ Trọng Tuệ	05/06/2004	Nam	Kinh	6.9	8	7.2	Giỏi
348	9/3	Huỳnh Lê Trung Tín	13/06/2004	Nam	Kinh	5.8	6.9	5	Khá
349	9/3	Huỳnh Phương Thy	14/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.3	7.2	Giỏi
350	9/3	Lê Hữu Quốc	11/02/2004	Nam	Kinh	7	8.1	7.3	Giỏi
351	9/3	Lê Thị Thu Thảo	30/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.8	8.6	Giỏi
352	9/3	Lê Thị Tường Ly	07/12/2004	Nữ	Kinh	8	9.4	8	Giỏi
353	9/3	Lưu Nguyễn Quốc Hùng	02/06/2004	Nam	Kinh	5.8	6.9	5.8	Khá
354	9/3	Nguyễn Anh Khoa	25/08/2004	Nam	Kinh	7.1	8.4	7.8	Giỏi
355	9/3	Nguyễn Bá Triệu	13/04/2004	Nam	Kinh	8.6	9.3	9.1	Giỏi
356	9/3	Nguyễn Bảo An	13/12/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	7.8	Giỏi
357	9/3	Nguyễn Đình Gia Huy	05/05/2004	Nam	Kinh	5.5	7.8	6.6	Khá
358	9/3	Nguyễn Đỗ Quỳnh Thy	31/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	6.5	Giỏi
359	9/3	Nguyễn Duy Khôi	05/11/2004	Nam	Kinh	5.2	5.6	4.9	Trung bình
360	9/3	Nguyễn Hoàng Ân	11/02/2004	Nam	Kinh	5.8	7.3	5.2	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
361	9/3	Nguyễn Hoàng Long	31/01/2004	Nam	Kinh	5.6	7.5	6.6	Khá
362	9/3	Nguyễn Minh Triết	10/11/2004	Nam	Kinh	7	7.5	6.9	Khá
363	9/3	Nguyễn Ngọc Phương	08/12/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.5	6.9	Khá
364	9/3	Nguyễn Quốc Huy	08/06/2004	Nam	Kinh	6.7	6.8	6.4	Khá
365	9/3	Nguyễn Tấn Duy	02/01/2004	Nam	Kinh	7	8.9	8.1	Giỏi
366	9/3	Nguyễn Thị Hồng Anh	17/05/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.4	7.3	Giỏi
367	9/3	Nguyễn Thị Khánh Linh	29/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.8	7.9	Giỏi
368	9/3	Nguyễn Trương Nhật	14/09/2004	Nam	Kinh	5.9	7.2	6	Khá
369	9/3	Nguyễn Vũ Hoàng Kim	05/03/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.2	7.4	Giỏi
370	9/3	Phạm Nguyên Kiệt	07/09/2004	Nam	Kinh	7	8.1	6.7	Giỏi
371	9/3	Phạm Quốc Hưng	10/02/2004	Nam	Kinh	7.1	8.1	8.1	Giỏi
372	9/3	Phạm Thị Như Quỳnh	14/05/2004	Nữ	Kinh	5.7	6.8	5.8	Khá
373	9/3	Phan Mỹ Tú	18/12/2004	Nữ	Kinh	6.1	7.6	5.7	Khá
374	9/3	Phan Như Quỳnh	08/07/2004	Nữ	Kinh	8.3	8.8	8	Giỏi
375	9/3	Thân Ý An	03/02/2004	Nữ	Kinh	6.7	8.1	5.7	Khá
376	9/3	Tôn Nữ Hồng Ân	08/06/2004	Nữ	Kinh	7.1	8	7	Giỏi
377	9/3	Trần Hoàng Phương An	28/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	8	6.5	Giỏi
378	9/3	Trần Minh Khoa	28/02/2004	Nam	Kinh	7.1	7.5	7.2	Khá
379	9/3	Trần Thành Nhân	02/02/2004	Nam	Kinh	5.7	6.7	5.5	Khá
380	9/3	Trịnh Tấn Lộc	09/10/2004	Nam	Kinh	5.3	6.7	5.7	Khá
381	9/3	Trương Minh Hương	29/09/2004	Nữ	Kinh	8.2	8.3	8.9	Giỏi
382	9/3	Trương Ngọc Linh	02/12/2004	Nữ	Kinh	6.5	8.1	6.7	Giỏi
383	9/3	Viên Thị Thảo My	15/01/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.3	7.2	Giỏi
384	9/3	Võ Lê Phương Anh	12/09/2003	Nữ	Kinh	7.3	8.2	6.9	Giỏi
385	9/3	Võ Nguyễn Hoàng Nhi	04/06/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	6.9	Giỏi
386	9/3	Võ Tấn Lực	02/12/2004	Nam	Kinh	5.5	7.1	6.5	Khá
387	9/3	Vũ Ngọc Ngân Anh	06/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	8.7	Giỏi
388	9/3	Vũ Quốc Bảo	28/01/2004	Nam	Kinh	7	8.1	7.9	Giỏi
389	9/4	Bùi Quỳnh Anh	13/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.4	7.1	Giỏi
390	9/4	Bùi Tấn Phú	29/08/2004	Nam	Kinh	5.6	8.3	6.7	Khá
391	9/4	Bùi Trần Gia Bảo	31/08/2004	Nam	Kinh	5.1	7.1	5.8	Khá
392	9/4	Bùi Xuân Khang	03/01/2004	Nam	Kinh	6	7.3	6.9	Khá
393	9/4	Đinh Thị Thủy Tiên	27/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.9	7.7	Giỏi
394	9/4	Đỗ Hoàng Thiên Phú	01/06/2004	Nam	Kinh	5.9	8.1	7.6	Khá
395	9/4	Đỗ Phạm Anh Mỹ	28/07/2004	Nam	Kinh	6.5	8.1	6.7	Giỏi
396	9/4	Đỗ Phan Đức Trung	23/06/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	8.3	Giỏi
397	9/4	Đỗ Trần Phúc Lâm	11/01/2004	Nam	Kinh	8.2	9.5	8.4	Giỏi
398	9/4	Dương Hải Anh	14/11/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.6	8.1	Khá
399	9/4	Dương Nguyễn Khánh Linh	16/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	7	5.7	Khá
400	9/4	Dương Thuận Phát	05/11/2004	Nam	Kinh	6.2	7.6	7.3	Khá
401	9/4	Hồ Huỳnh Tuyết Như	09/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.4	7	Khá
402	9/4	Hồ Việt Khải Hoàn	03/06/2004	Nam	Kinh	7	8.3	8.9	Giỏi
403	9/4	Hoàng Lê Thủy Quỳnh	14/04/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.4	7.8	Giỏi
404	9/4	Huỳnh Hạnh Nguyên	19/10/2004	Nữ	Kinh	5	6.8	5.5	Khá
405	9/4	Lâm Bảo Ngọc	28/11/2004	Nữ	Kinh	7	8.5	6.9	Giỏi
406	9/4	Lê Đỗ Khánh Linh	11/04/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.6	6.2	Khá
407	9/4	Lê Hà Minh Châu	12/09/2004	Nữ	Kinh	8	8.6	8.6	Giỏi
408	9/4	Lê Huỳnh Anh	08/06/2004	Nam	Kinh	5.4	6.1	5.4	Trung bình
409	9/4	Lê Mai Vĩnh Hưng	27/04/2004	Nam	Kinh	6.7	8.1	6.5	Giỏi
410	9/4	Lê Nguyễn Minh Anh	17/05/2004	Nữ	Kinh	7.7	8	7.5	Giỏi
411	9/4	Lê Quốc Huy	26/02/2004	Nam	Kinh	5.6	6.5	8.7	Khá
412	9/4	Lương Thế Minh	13/08/2004	Nam	Kinh	5.6	7.9	6.7	Khá
413	9/4	Lý Bảo My	02/12/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.7	9.2	Giỏi
414	9/4	Mai Quỳnh Vân	07/04/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.4	7.7	Giỏi
415	9/4	Mai Thanh Trúc	16/04/2004	Nữ	Kinh	7.1	6.1	4.7	Trung bình
416	9/4	Nguyễn Đình Minh Nhật	21/07/2004	Nam	Kinh	7.6	9.2	8.9	Giỏi
417	9/4	Nguyễn Đức Anh	24/01/2004	Nam	Kinh	6.8	8.1	5.9	Khá
418	9/4	Nguyễn Hồ Duy Khang	26/11/2004	Nam	Kinh	5.4	6.8	5.6	Khá
419	9/4	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	03/08/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.8	6	Khá
420	9/4	Nguyễn Hoàng Tuyết Nghi	16/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	5.5	4.7	Trung bình
421	9/4	Nguyễn Hữu Phong	28/05/2004	Nam	Kinh	5.3	8.4	6	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
422	9/4	Nguyễn Huy Vũ	07/12/2004	Nam	Kinh	8	9.6	9.2	Giỏi
423	9/4	Nguyễn Kim Ngân	15/12/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.4	7.8	Giỏi
424	9/4	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.2	6.7	Giỏi
425	9/4	Nguyễn Quang Anh	04/03/2004	Nam	Kinh	5.4	7.6	6.3	Khá
426	9/4	Nguyễn Quang Huy	26/10/2004	Nam	Kinh	7.4	8.9	7.6	Giỏi
427	9/4	Nguyễn Thảo Như	11/11/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	9.4	Giỏi
428	9/4	Phạm Thị Ngọc Thắm	06/07/2004	Nữ	Kinh	5.4	6.2	3.8	Trung bình
429	9/4	Phan Trần Ánh Nhi	20/05/2004	Nữ	Kinh	5.6	6.4	3.9	Trung bình
430	9/4	Tổng Mỹ Linh	13/11/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.2	7.5	Giỏi
431	9/4	Trần Anh Khoa	19/06/2004	Nam	Kinh	7.9	9.4	9.2	Giỏi
432	9/4	Trần Phúc Bình	02/11/2003	Nam	Kinh	6.5	7	6.6	Khá
433	9/4	Trần Quang Minh Thắng	07/07/2004	Nam	Kinh	7.2	8.5	7.9	Giỏi
434	9/4	Trần Vũ Ngọc Tú	09/02/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	6.8	Giỏi
435	9/4	Võ Phạm Phương Mai	03/03/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.9	8.7	Khá
436	9/4	Vũ Ngọc Quỳnh Trang	30/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.1	7.7	Giỏi
437	9/4	Vũ Trần Minh Tuấn	25/09/2004	Nam	Kinh	5	7.5	7	Khá
438	9/5	Bùi Lâm Hạnh Trinh	14/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	7.7	7.9	Khá
439	9/5	Chung Thị Lan Ngọc	08/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	8.1	7.7	Giỏi
440	9/5	Đặng Minh Khuê	04/05/2004	Nữ	Kinh	8	9	8.1	Giỏi
441	9/5	Đặng Thế Đình Khôi	12/05/2004	Nam	Kinh	7.5	8	7.8	Giỏi
442	9/5	Đình Hoàng Tuấn	29/06/2004	Nam	Kinh	7.7	8.7	7.7	Giỏi
443	9/5	Đình Tô Yến Nhi	22/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8	6.9	Giỏi
444	9/5	Đỗ Tuấn Anh	01/01/2004	Nam	Kinh	7.2	8.7	8.5	Giỏi
445	9/5	Dương Thảo Liên	27/02/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.6	8.7	Giỏi
446	9/5	Hoàng Thùy Tiên	13/09/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.9	8.1	Giỏi
447	9/5	Huỳnh Ngọc Anh Thy	25/02/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.5	8.4	Giỏi
448	9/5	Huỳnh Thiên Bảo	16/08/2004	Nam	Kinh	7.5	8.4	7.5	Giỏi
449	9/5	Lê Hoàng Đức Thịnh	19/10/2004	Nam	Kinh	7.3	8.8	7.7	Giỏi
450	9/5	Lê Ngọc Thảo	17/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	9.4	9.2	Giỏi
451	9/5	Lê Thùy Tiên	25/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.1	7.7	Giỏi
452	9/5	Lê Trọng Khang	01/04/2004	Nam	Kinh	7.6	9.1	8.4	Giỏi
453	9/5	Lương Yến Băng	28/11/2004	Nữ	Kinh	8.3	9.1	9.2	Giỏi
454	9/5	Lý Đông Hào	11/11/2004	Nam	Kinh	7.6	8.4	6.4	Khá
455	9/5	Ngô Nguyễn Anh Khoa	15/10/2004	Nam	Kinh	7.5	9.1	7.7	Giỏi
456	9/5	Ngô Thanh Vân	14/10/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.2	8.1	Giỏi
457	9/5	Ngô Thùy Trang	12/04/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.2	6.4	Khá
458	9/5	Nguyễn Bảo Trâm	27/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.6	7.6	Giỏi
459	9/5	Nguyễn Công Đạt	08/10/2004	Nam	Kinh	7.6	8.2	8.3	Giỏi
460	9/5	Nguyễn Đoàn Xuân Nhi	20/07/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.3	7.9	Giỏi
461	9/5	Nguyễn Đức Hiền	25/09/2004	Nam	Kinh	7.1	8.6	7.8	Khá
462	9/5	Nguyễn Hà Đăng Khanh	12/10/2004	Nữ	Kinh	7	8.8	9.3	Giỏi
463	9/5	Nguyễn Hoàng Minh	11/08/2004	Nam	Kinh	7.2	9.7	7.6	Giỏi
464	9/5	Nguyễn Ngọc Đình Khoa	13/05/2004	Nam	Kinh	7.8	9.8	7.9	Giỏi
465	9/5	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	22/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.1	9.3	Giỏi
466	9/5	Nguyễn Thanh Như	04/11/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.3	8.6	Giỏi
467	9/5	Nguyễn Thanh Tùng	16/03/2004	Nam	Kinh	7.4	7.8	8.3	Khá
468	9/5	Nguyễn Thế Hợp	04/01/2004	Nam	Kinh	6.9	7	6.4	Khá
469	9/5	Nguyễn Thị Thúy Vy	20/06/2004	Nữ	Kinh	6.7	9.2	7.3	Giỏi
470	9/5	Nguyễn Trần Duy Khoa	07/03/2004	Nam	Kinh	8	7.6	7.2	Giỏi
471	9/5	Nguyễn Trúc Phương Khanh	02/10/2004	Nữ	Kinh	6.8	8.5	9.2	Giỏi
472	9/5	Phạm Trần Thanh Nga	16/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	9.3	8.6	Giỏi
473	9/5	Phan Đặng Phương Nhi	09/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.6	8.4	Giỏi
474	9/5	Phan Quốc Thắng	11/01/2004	Nam	Kinh	6.8	8.8	7.6	Giỏi
475	9/5	Thị Hòa Minh Trang	30/04/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.3	8.4	Giỏi
476	9/5	Trần Đại Dũng	08/05/2004	Nam	Kinh	7.9	8.3	6.9	Giỏi
477	9/5	Trần Ngô Nhật Luân	21/10/2004	Nam	Kinh	7.8	9.6	9	Giỏi
478	9/5	Trần Tú Anh	07/07/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.8	7.4	Giỏi
479	9/5	Trịnh Ngọc Anh	19/10/2004	Nữ	Kinh	8	8.8	7.9	Giỏi
480	9/5	Trương Nguyễn Thành	25/08/2004	Nam	Kinh	8.3	9.3	7.9	Giỏi
481	9/5	Trương Trang Thái Bảo	27/11/2004	Nam	Kinh	8.2	9.4	9.3	Giỏi
482	9/5	Vũ Hoàng Nhi	04/12/2004	Nữ	Kinh	8.3	9.2	8.9	Giỏi

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
483	9/5	Vũ Huỳnh Thảo Uyên	19/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.1	7	Giỏi
484	9/6	Bùi Nguyễn Duy Khang	29/03/2004	Nam	Kinh	5.7	7.3	5.5	Khá
485	9/6	Bùi Thanh Vy	14/09/2004	Nữ	Kinh	8.4	8.9	8.3	Giỏi
486	9/6	Cao Ngọc Vĩ	16/02/2004	Nam	Kinh	6.3	7.7	8.2	Khá
487	9/6	Dai Nguyễn Minh Đạt	08/08/2004	Nam	Kinh	6.2	7.2	7.3	Khá
488	9/6	Đặng Vi Phương	21/10/2004	Nữ	Kinh	7.1	7.2	6.8	Khá
489	9/6	Đào Trúc Vy	23/06/2004	Nữ	Kinh	6.1	8	7.4	Khá
490	9/6	Đỗ Lê Xuân Quỳnh	02/08/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.2	7.9	Giỏi
491	9/6	Đỗ Quốc Huy	30/06/2004	Nam	Kinh	6.8	7.2	7	Khá
492	9/6	Đỗ Trần Yến Nhi	13/11/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.9	7.2	Giỏi
493	9/6	Hà Nguyễn Duy Anh	03/08/2004	Nam	Kinh	7	7.6	6.5	Khá
494	9/6	Hoàng Anh Khoa	18/12/2004	Nam	Kinh	5.8	7.5	5.1	Khá
495	9/6	Hoàng Phạm Minh Thư	30/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.3	6.5	Giỏi
496	9/6	Kim Thị Thu Hằng	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.9	7.2	5.8	Khá
497	9/6	Kim Văn Trường	16/09/2004	Nam	Kinh	4.4	7.6	6.8	Trung bình
498	9/6	Lê Quang Phú	14/02/2004	Nam	Kinh	7.2	7.6	6.5	Khá
499	9/6	Lê Thị Mỹ Dung	06/11/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	7.9	Giỏi
500	9/6	Mai Tuấn Tài	12/01/2004	Nam	Kinh	5.6	8	6.2	Khá
501	9/6	Nguyễn Gia Vy	03/08/2004	Nữ	Kinh	7.3	7.6	7.5	Khá
502	9/6	Nguyễn Hải Đăng	19/05/2004	Nam	Kinh	7.1	8.5	6.1	Khá
503	9/6	Nguyễn Hoàng Ái Linh	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.8	9	8.3	Giỏi
504	9/6	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	21/09/2004	Nam	Kinh	6.7	8.7	6.7	Giỏi
505	9/6	Nguyễn Hoàng Phúc	07/04/2004	Nam	Kinh	6.2	7.8	7.4	Khá
506	9/6	Nguyễn Lê Thiên An	20/10/2004	Nữ	Kinh	8.5	9.1	9	Giỏi
507	9/6	Nguyễn Lục Phương Hoàng	27/05/2004	Nữ	Kinh	5.5	6.3	5.1	Trung bình
508	9/6	Nguyễn Ngọc Cát Tiên	21/11/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.4	6.1	Khá
509	9/6	Nguyễn Ngọc Minh Toàn	01/06/2004	Nam	Kinh	7.1	7.8	6.8	Khá
510	9/6	Nguyễn Ngọc Mỹ Trâm	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.8	8.8	7.8	Giỏi
511	9/6	Nguyễn Phi Phụng	23/02/2004	Nam	Kinh	7	8.4	7.2	Giỏi
512	9/6	Nguyễn Tân Phát	16/07/2004	Nam	Kinh	5.4	7.9	5.6	Khá
513	9/6	Nguyễn Tân Tài	23/12/2004	Nam	Kinh	8	8.8	7.1	Giỏi
514	9/6	Nguyễn Thanh Triệu Minh	17/10/2004	Nữ	Kinh	7	7.7	6.9	Khá
515	9/6	Nguyễn Thảo My	16/04/2004	Nữ	Kinh	7	8.1	7.1	Giỏi
516	9/6	Nguyễn Thị Ngọc Nhận	28/12/2004	Nữ	Kinh	6	6.1	4.7	Trung bình
517	9/6	Nguyễn Trọng Nghĩa	21/12/2004	Nam	Kinh	7.2	7.8	7.2	Khá
518	9/6	Nguyễn Xuân Hải	14/01/2004	Nam	Kinh	6.5	7.2	5.9	Khá
519	9/6	Nguyễn Xuân Hồng Phát	27/05/2004	Nam	Kinh	7.5	9	6.8	Giỏi
520	9/6	Phạm Cao Nguyên	09/01/2004	Nam	Kinh	7.6	8.2	7.5	Giỏi
521	9/6	Phạm Minh Nhật	16/06/2004	Nam	Kinh	6.5	7.3	6.2	Khá
522	9/6	Phạm Nhật Khánh Linh	26/10/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	6.5	Khá
523	9/6	Phạm Võ Hồng Nhung	11/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	7.9	6.2	Khá
524	9/6	Phan Quang Huy	24/03/2004	Nam	Kinh	6.8	7.9	6	Khá
525	9/6	Trần Đức Thịnh	19/01/2004	Nam	Kinh	7.4	9.1	7.1	Giỏi
526	9/6	Trần Ngọc Bảo Hân	22/05/2004	Nữ	Kinh	8	8.3	7	Giỏi
527	9/6	Trương Thị Hương Giang	12/06/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.7	7.6	Giỏi
528	9/6	Vũ Thị Minh Liên	23/01/2003	Nữ	Kinh	6.1	7.2	6.2	Khá
529	9/6	Vũ Thu Hiền	31/10/2004	Nữ	Kinh	7.4	7.8	6.6	Khá
530	9/6	Vũ Xuân Nam	18/06/2004	Nam	Kinh	6.9	9.1	6.2	Khá
531	9/7	Bùi Thị Trang	13/03/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.8	6.7	Giỏi
532	9/7	Bùi Vĩnh Thành	11/01/2004	Nam	Kinh	7.3	7.3	6.9	Khá
533	9/7	Bùi Xuân Trường	10/09/2004	Nam	Kinh	5.2	5.4	4	Trung bình
534	9/7	Cao Thanh Thảo	06/10/2004	Nữ	Kinh	5	6.3	4.5	Trung bình
535	9/7	Đặng Nguyễn Trường Sơn	14/11/2003	Nam	Kinh	6.4	7.8	7.3	Khá
536	9/7	Đặng Quang Minh	14/07/2004	Nam	Kinh	7.3	8.6	8.3	Giỏi
537	9/7	Đinh Thụy Quỳnh Như	10/03/2004	Nữ	Kinh	8.4	9.7	9.3	Giỏi
538	9/7	Đoàn Nguyễn Minh Nhật	09/02/2004	Nam	Kinh	6.3	6.5	5.4	Khá
539	9/7	Huỳnh Tuấn Sang	18/11/2004	Nam	Kinh	7.7	7.4	5.7	Khá
540	9/7	Lê Anh Khoa	03/11/2004	Nam	Kinh	6.1	6.6	4.7	Trung bình
541	9/7	Lê Ngọc Thiên An	25/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	5.7	5.6	Khá
542	9/7	Lê Nguyễn Thành Đức	07/04/2004	Nam	Kinh	6.2	7	7.1	Khá
543	9/7	Lê Thị Hồng Nhung	26/03/2004	Nữ	Kinh	7.6	6.3	5.9	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
544	9/7	Nguyễn Anh Hào	08/06/2004	Nam	Kinh	5.5	4.3	4.3	Trung bình
545	9/7	Nguyễn Dư Uyên Nhi	17/03/2004	Nữ	Kinh	6.4	8.6	5.5	Khá
546	9/7	Nguyễn Hương Giang	09/09/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.6	5.9	Khá
547	9/7	Nguyễn Hữu Duy Phát	10/06/2004	Nam	Kinh	8.5	9.6	8.5	Giỏi
548	9/7	Nguyễn Khánh Bằng	26/12/2004	Nữ	Kinh	8.6	9	7.3	Giỏi
549	9/7	Nguyễn Minh Giáp	12/11/2004	Nam	Kinh	7.8	9.2	9.3	Giỏi
550	9/7	Nguyễn Ngọc Thảo Vi	03/05/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.7	7	Giỏi
551	9/7	Nguyễn Ngọc Thúy Ngân	22/03/2004	Nữ	Kinh	6.2	6	4.9	Trung bình
552	9/7	Nguyễn Nguyệt Thu	26/11/2004	Nữ	Kinh	6.9	7.9	5.8	Khá
553	9/7	Nguyễn Phạm Trung Nam	04/10/2004	Nam	Kinh	7.7	8.1	7.6	Giỏi
554	9/7	Nguyễn Phú Hào	12/05/2004	Nam	Kinh	5.9	6.6	5.6	Khá
555	9/7	Nguyễn Tân Phát	18/12/2004	Nam	Kinh	7.7	8.5	8.5	Giỏi
556	9/7	Nguyễn Thảo Nguyên	09/11/2004	Nữ	Kinh	8.1	8.9	8.3	Giỏi
557	9/7	Nguyễn Thảo Tiên	21/05/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.7	8.1	Khá
558	9/7	Nguyễn Thị Ngọc Linh	30/09/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.6	9.1	Khá
559	9/7	Nguyễn Thúy Hiền	01/03/2004	Nữ	Kinh	7.3	7.9	7.3	Khá
560	9/7	Nguyễn Thùy Tiên	09/12/2004	Nữ	Kinh	8.2	9.1	9.2	Giỏi
561	9/7	Nguyễn Tiến Toàn	16/10/2004	Nam	Kinh	5.1	5.4	4.4	Trung bình
562	9/7	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/12/2004	Nam	Kinh	6.8	8	7.9	Giỏi
563	9/7	Nguyễn Trương Mai Thy	29/04/2004	Nữ	Kinh	4.4	5	5.4	Trung bình
564	9/7	Nguyễn Văn An	24/07/2004	Nam	Kinh	8	8.9	8.8	Giỏi
565	9/7	Nguyễn Việt Hoàng	29/01/2004	Nam	Kinh	7.4	6.8	7.2	Khá
566	9/7	Nguyễn Viết Huy	27/02/2004	Nam	Kinh	5.6	5.8	7.7	Trung bình
567	9/7	Phạm Lâm Ngọc Yến	29/04/2004	Nữ	Kinh	6.8	7.8	6	Khá
568	9/7	Phan Anh Thư	21/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.4	8	Giỏi
569	9/7	Phan Trọng Tuấn Khôi	06/11/2004	Nam	Kinh	7.6	7.8	7.3	Khá
570	9/7	Tôn Thất Khải	02/12/2004	Nam	Kinh	5	6.2	4.8	Trung bình
571	9/7	Trần Gia Mẫn	02/01/2004	Nữ	Kinh	8.1	9.1	8.9	Giỏi
572	9/7	Trần Minh Dương	28/10/2004	Nam	Kinh	5.4	8.1	6	Khá
573	9/7	Trịnh Anh Vũ	01/09/2004	Nam	Kinh	6.2	5.3	7	Trung bình
574	9/7	Trương Quỳnh Anh	28/08/2004	Nữ	Kinh	7.7	8.9	9.1	Giỏi
575	9/7	Võ Hoàng Phúc	02/11/2004	Nam	Kinh	6.8	8.8	7	Giỏi
576	9/7	Võ Ngọc Bảo Thư	12/09/2004	Nữ	Kinh	8	8.7	7.7	Giỏi
577	9/7	Vũ Duy Huy	09/08/2004	Nam	Kinh	5.3	7.2	5.7	Khá
578	9/7	Vũ Mạnh Khang	23/10/2004	Nam	Kinh	6	6.8	4.7	Trung bình
579	9/8	Công Anh Nguyên	27/05/2004	Nam	Kinh	5.6	8.6	5.6	Khá
580	9/8	Đình Gia Phong	28/09/2003	Nam	Kinh	5.8	6.9	6.2	Khá
581	9/8	Đỗ Khánh Nguyên	27/03/2004	Nam	Kinh	6	7.4	6.5	Khá
582	9/8	Dương Minh Hào	08/12/2004	Nam	Kinh	5.4	6.4	4.5	Trung bình
583	9/8	Dương Quỳnh Chi	19/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.3	9.4	Giỏi
584	9/8	Hà Hạp Trâm	22/06/2004	Nữ	Kinh	6.3	6.3	5.5	Trung bình
585	9/8	Hoàng Trung Kiên	07/06/2004	Nam	Kinh	5.7	7.7	5.9	Khá
586	9/8	Huỳnh Bảo Châu	23/10/2004	Nữ	Kinh	7.9	8.5	7.8	Giỏi
587	9/8	Lâm Hoàng Khang	08/12/2004	Nam	Kinh	5.7	7.8	5.9	Khá
588	9/8	Lê Bích Ngọc	04/06/2004	Nữ	Kinh	5.7	6.3	4.5	Trung bình
589	9/8	Lê Thái Hiền	27/06/2004	Nữ	Kinh	7.5	8.9	7.6	Giỏi
590	9/8	Lê Tú Quyên	12/04/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.3	7.8	Giỏi
591	9/8	Lê Vũ Gia Linh	01/12/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.7	6.6	Giỏi
592	9/8	Lý Bửu	18/02/2004	Nam	Kinh	6.1	7.8	6.9	Khá
593	9/8	Mai Văn Vinh	26/01/2004	Nam	Kinh	6.7	8.3	7.3	Giỏi
594	9/8	Ngô Anh Khôi	29/08/2004	Nam	Kinh	5.8	8.3	5.8	Khá
595	9/8	Nguyễn Hoài An	23/07/2004	Nữ	Kinh	7.6	8.9	8	Giỏi
596	9/8	Nguyễn Hoàng Hải Yến	14/09/2004	Nữ	Kinh	5.9	7.7	6.9	Khá
597	9/8	Nguyễn Hoàng Tấn Tài	19/02/2004	Nam	Kinh	6.2	7.9	6.7	Khá
598	9/8	Nguyễn Hoàng Thịnh	16/01/2004	Nam	Kinh	5.9	6.5	5.5	Khá
599	9/8	Nguyễn Huỳnh Hữu Tâm	04/01/2004	Nam	Kinh	5.5	6.7	6.3	Khá
600	9/8	Nguyễn Khánh Linh	24/11/2004	Nữ	Kinh	5.9	7	5	Khá
601	9/8	Nguyễn Lê Anh Toàn	01/02/2004	Nam	Kinh	5.4	7.9	5	Khá
602	9/8	Nguyễn Lý Bảo Trâm	19/11/2004	Nữ	Kinh	7	9	8.6	Giỏi
603	9/8	Nguyễn Minh Hoàng	19/03/2004	Nam	Kinh	6.1	9	7.8	Khá
604	9/8	Nguyễn Mỹ Nguyên	29/06/2004	Nữ	Kinh	7.8	7.6	6.5	Khá

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
605	9/8	Nguyễn Ngọc Khánh Trang	09/11/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.6	8.1	Giỏi
606	9/8	Nguyễn Ngọc Minh Thư	07/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	6.5	4	Trung bình
607	9/8	Nguyễn Trần Đan Thư	13/08/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.3	8.8	Giỏi
608	9/8	Nguyễn Trần Yến Nhi	07/09/2004	Nữ	Kinh	7.7	9.4	8.8	Giỏi
609	9/8	Nguyễn Văn Anh	07/04/2004	Nữ	Kinh	6.1	7.4	7.1	Khá
610	9/8	Nguyễn Vũ Anh Thư	24/03/2004	Nữ	Kinh	5.8	7.2	5.1	Khá
611	9/8	Phạm Hoàng Gia Thụy	04/03/2004	Nữ	Kinh	5.9	6.7	4.1	Trung bình
612	9/8	Phạm Hồng Ngọc Thùy	01/10/2004	Nữ	Kinh	7.3	8.1	7.1	Giỏi
613	9/8	Phạm Nguyễn Thế Hào	27/03/2004	Nam	Kinh	6.5	8.2	6.2	Khá
614	9/8	Phan Văn Hiền	24/07/2004	Nam	Kinh	5.1	6.6	4.2	Trung bình
615	9/8	Thái Thái	10/04/2004	Nam	Kinh	6.6	7.9	6.4	Khá
616	9/8	Trần Công Nghĩa	28/09/2004	Nam	Kinh	5.4	7.4	5.9	Khá
617	9/8	Trần Lê Huy Hiền	26/11/2004	Nam	Kinh	5.9	7.5	7.9	Khá
618	9/8	Trần Ngọc Minh Trang	25/10/2004	Nữ	Kinh	7.2	8.9	8.5	Giỏi
619	9/8	Trần Ngọc Nhã Phương	20/12/2004	Nữ	Kinh	7.4	8.5	7.1	Giỏi
620	9/8	Trần Ngọc Quốc Khánh	25/08/2003	Nam	Kinh	5.2	5.4	4.1	Trung bình
621	9/8	Trần Ngọc Quỳnh	01/09/2004	Nữ	Kinh	6	5.8	6.9	Trung bình
622	9/8	Trần Thanh Tùng	30/09/2004	Nam	Kinh	6.2	7.6	5.7	Khá
623	9/8	Trần Thụy Nhiên	03/01/2004	Nữ	Kinh	6.2	7.8	6.5	Khá
624	9/8	Trương Khánh Quân	17/07/2004	Nam	Kinh	4.5	5.1	4.4	Trung bình
625	9/8	Vũ Xuân Mỹ	17/09/2004	Nam	Kinh	5.8	6.6	5.2	Khá
626	9/9	Đặng Kim Nguyên	20/10/2004	Nữ	Kinh	6.4	7.2	4.4	Trung bình
627	9/9	Đặng Minh Cường	26/07/2004	Nam	Kinh	5	5.9	5.2	Trung bình
628	9/9	Hàng Anh Phát	16/02/2004	Nam	Kinh	7	6.1	5.5	Khá
629	9/9	Hồng Ngọc Thảo Vy	08/05/2004	Nữ	Hoa	7.5	7.6	6.7	Khá
630	9/9	Huỳnh Thanh Nam	28/07/2004	Nam	Kinh	6.7	7	7.6	Khá
631	9/9	Mai Tùng Lâm	29/04/2004	Nam	Kinh	6.1	5.4	4.1	Trung bình
632	9/9	Nguyễn Cát Tường Vi	06/12/2004	Nữ	Kinh	5.8	5	4.5	Trung bình
633	9/9	Nguyễn Chiến Công	16/10/2004	Nam	Kinh	5.7	6.9	5.3	Khá
634	9/9	Nguyễn Đăng Khoa	04/02/2004	Nam	Kinh	7.7	9.1	9.4	Giỏi
635	9/9	Nguyễn Đăng Khoa	07/10/2004	Nam	Kinh	7	8.6	8	Giỏi
636	9/9	Nguyễn Dương Mỹ Linh	24/11/2004	Nữ	Kinh	5.2	5.5	4.8	Trung bình
637	9/9	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	16/11/2004	Nữ	Kinh	4.7	5	5.2	Trung bình
638	9/9	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	05/08/2004	Nam	Kinh	6.1	5.8	5.8	Trung bình
639	9/9	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	25/08/2004	Nữ	Kinh	7.9	9.5	9.1	Giỏi
640	9/9	Nguyễn Huỳnh Tú Như	08/06/2004	Nữ	Kinh	6.2	5.5	5.7	Trung bình
641	9/9	Nguyễn Khánh Duy	15/06/2004	Nam	Kinh	7.8	9	8.1	Giỏi
642	9/9	Nguyễn Kim Ngân	02/08/2004	Nữ	Kinh	7.5	7.8	7.8	Khá
643	9/9	Nguyễn Minh Huy	11/07/2004	Nam	Kinh	6.1	7.3	8.7	Khá
644	9/9	Nguyễn Minh Thư	21/08/2004	Nữ	Kinh	7.2	7.3	5.8	Khá
645	9/9	Nguyễn Ngọc Quỳnh My	09/07/2004	Nữ	Kinh	6.1	5.5	5.9	Trung bình
646	9/9	Nguyễn Thụy Gia Hân	24/11/2004	Nữ	Kinh	6	7.3	6.7	Khá
647	9/9	Nguyễn Thùy Tiên	09/01/2004	Nữ	Kinh	7.3	6.9	6.1	Khá
648	9/9	Nguyễn Tuấn Kiệt	24/08/2004	Nam	Kinh	5.1	5.3	4.9	Trung bình
649	9/9	Phạm Bảo Khang	08/08/2004	Nam	Kinh	7	6.3	5.8	Khá
650	9/9	Phạm Nguyễn Minh Luân	19/06/2004	Nam	Kinh	4.8	5.1	5.1	Trung bình
651	9/9	Phan Ngọc Diễm Quỳnh	29/09/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.2	6.8	Giỏi
652	9/9	Tạ Mai Anh	02/07/2004	Nữ	Kinh	7.1	8.2	8.3	Giỏi
653	9/9	Tạ Minh Khôi	02/07/2004	Nam	Kinh	7.2	9.6	9.4	Giỏi
654	9/9	Tạ Ngọc Khánh Linh	06/10/2004	Nữ	Kinh	5.7	7.7	6.1	Khá
655	9/9	Trần Đặng Ngọc Hà	18/11/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	7.6	Khá
656	9/9	Trần Đức Huy	17/02/2004	Nam	Kinh	4.9	7.5	7.1	Trung bình
657	9/9	Trần Gia Bảo	15/10/2004	Nam	Kinh	6.7	7	6.1	Khá
658	9/9	Trần Khánh Quỳnh	24/07/2004	Nữ	Kinh	6.6	8	9	Giỏi
659	9/9	Trần Mỹ Uyên	06/05/2004	Nữ	Kinh	6.4	6.4	6.1	Trung bình
660	9/9	Trần Ngọc Hân	26/08/2004	Nữ	Kinh	5.3	6.1	5.5	Trung bình
661	9/9	Trần Thanh Nhã	25/05/2004	Nữ	Kinh	6.7	7.4	6	Khá
662	9/9	Trần Thị Trúc Tiên	25/08/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	5.9	Khá
663	9/9	Trần Trọng Tài	09/02/2004	Nam	Kinh	6.2	8.1	5.1	Khá
664	9/9	Trần Tuấn Toàn	09/07/2004	Nam	Kinh	5.9	6.4	4.9	Trung bình
665	9/9	Trương Ngọc Diệp	17/09/2004	Nữ	Kinh	6.5	6.5	4.5	Trung bình

STT	Tên lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm văn	Điểm toán	Điểm ngoại ngữ	Loại tốt nghiệp
666	9/9	Võ Đức Duy	06/07/2004	Nam	Kinh	6.1	7.7	6.6	Khá
667	9/9	Vũ Hoàng Thùy Linh	18/02/2004	Nữ	Kinh	7	6.9	6.5	Khá
668	9/9	Vũ Ngọc Hân	11/02/2004	Nữ	Kinh	5.7	5.1	4.5	Trung bình

Tổng cộng danh sách có: 668 học sinh tốt nghiệp THCS.



HIỆU TRƯỞNG

VŨ THỊ THƠ